

AN-LẠC

tạp chí



* Nơi hiện diện những cây bút danh tiếng và quen thuộc

CHƯ THƯỢNG TỌA : Thích-minh-Châu — Thích trí Quang
Thích mãn Giác — Thích thiện Hoa
Thích thiện Ân — Thích thiện Châu
Thích nhất Hạnh — Thích giác Nhiên
Thích đức Nhuận — Thích quảng Độ

QUÝ ĐẠI ĐỨC : Thiện Nghi — Thông Bửu — Đức Niệm
Viên Dung — Chơn Điền — Hạnh Cơ
Giác Tuấn — Pháp Siêu — Minh Trí
Diệu Bồn — Giác Nghĩa — Diệu Quang

Học giả, Giáo sư, Văn Thi sĩ

- Nguyễn bình Tuyên	- Nguyễn đăng Thực	- Thiều Sơn
- Nguyễn văn Tạo	- Trần như Nguyễn	- Nguyễn hữu Ba
- Đông Tùng	- Nguyễn Quang	- Trần thượng Hiền
- Trần tuần Kiệt	- Nguyễn vạn Hồng	- Hồng Tuấn
- Thùy dương Tử	- Nguyễn văn Phụng	- Thế Nhân
- Hứa đình Anh	- Đoàn yên Linh	- Thạch Khê
- Nguyễn thanh Liêm	- Hồ trường An	- Thế Lan
- Minh Hiền	- Phạm thị Cửa	- Thu Nga
- Phạm công Thiện	- Song Thu	- Hương Nguyễn
- Trạ Vũ	- Băng Tâm	- Tâm Tấn
- Lữ Hồ	- Phương Đài	- Hoài đức Hạnh

và còn nhiều cây bút khác nhất là những ngài bút trẻ,
sẽ làm sôi động trong làng văn nghệ.



MỤC LỤC

- | | |
|--|------------------------|
| 9. một bản nhạc | Đ.Đ. THÔNG-BỬU |
| 12. chuyện cũ người xưa | TƯ-HỒNG |
| 15. những câu hát hò khoan của
miền trung nước Việt | SONG THU |
| 17. tin tức Phật giáo | AN-LẠC |
| 22. đọc thơ phương đài | THÙY DƯƠNG TỬ |
| 27. ngai vàng và tội lỗi | Đ.Đ. PHÁP SIÊU |
| 30. vấn đề giáo dục Việt Nam | G.S. NGUYỄN BÌNH TUYÊN |
| 37. lòng gười | Đ.Đ. THÍCH ĐỨC NIỆM |
| 41. tiếng tâm linh (thơ) | HƯƠNG NGUYỄN |
| 42. thiên đàng ở đâu ? | THIỆU SƠN |
| 47. cầu mơ (thơ) | LÊ TƯ |
| 48. minh oan cho Ngô Khởi | NGUYỄN—QUANG |
| 58. nhớ thầy (thơ) | TRI MINH |
| 59. học trò việt nam | ĐÔNG—TÙNG |
| 66. đừng biến chúng tôi thành (thơ) | THỂ LAN |
| 68. viết cho người chết | SONG THẠCH |
| 70. phong dao mới (thơ) | TƯ BÍCH |
| 71. xã hội việt nam | ĐỨC NIỆM |
| 76. sầu vương kiếp bạc (thơ) | TRIỀU LỆ—LAN THƯƠNG |
| 77. đoãn buồn tuổi xanh | BÙI CÁI |
| 81. tam giáo trong văn học | HẠNH CƠ |

CÁO LỖI



Vì một lý do quá quan trọng (không tiện trình bày).

Nên An Lạc Sò 8 đền với quý vị quá chậm.

Mong chư vị độc giả thông cảm hoàn cảnh xã hội hiện tại — mà thứ lỗi cho.

Kể từ Sò 9 An Lạc đã có nhà in riêng và nguyện cố gắng phụng sự bạn đọc để đáp lại tâm thành tình chiều cõ của chư vị.

Nay kính

Tạp chí AN-LẠC

MỘT BẢN NHẠC

Đồng hồ đã điểm ba tiếng, nhưng tôi vẫn chưa ngủ được, chắc quý vị bảo rằng tại tiếng phản lực chác tai, hay tại tiếng bom rền — Không ! — Hình ảnh các khóa lễ cầu siêu liên tiếp, tổ chức tại chùa trong mấy ngày qua, chết chóc, tang thương và ghê rợn, đang quay lại rất rõ trên tấm màn tâm thức của tôi. Chui ra khỏi mộng, vặn đèn sáng thêm xúu nữa đốt ba cây hương cắm vào lư và nhìn hình ảnh thầy tôi với một sự nguyện cầu van xin lời mưa pháp như những thuở năm nào.

mặc dù là lý vô thường ghi khắc rất rõ vào tâm khảm của tôi. Tôi nhìn Ngài và Ngài có nhìn tôi không. hay Ngài đang bận nhìn mọi người và vẫn biết chỉ là di ảnh nhưng khi nhìn thì mọi việc có một sự gì màu nhiệm linh thiêng giúp tôi giải quyết mọi thắc mắc. Tạm thoải mái, quay ra phía cửa sổ, mở nhẹ một cánh, vì Tịnh thất độ này có thêm chú Nguyễn Quang nên tôi không động mạnh, sợ mất giấc ngủ của chú. Bên ngoài cảnh vẫn tăm mịt trong bóng đêm, thỉnh thoảng một vài ngọn đèn từ trên không rơi xuống (có lẽ là phi trường bắn đèn) Đăm chiêu

về một hướng xa và xa hơn nữa, thì chỉ còn thấy những áng sao lơ-mờ. Tôi đang nhìn cảnh vật Chung quanh; thì bỗng tiếng nhạc bên ngoài vọng lại một âm điệu nhẹ nhàng thanh thoát, nhưng rất rõ ràng. Tiếng người hát cũng không phải là một nữ danh ca và chắc có lẽ người nhân phím đàn lại cũng không phải là nhạc-sĩ.

Tôi lặng yên hòa theo bản nhạc, nghe qua một lần mà tôi đã thuộc; xin ghi lại để công hiến chư vị.

Mở đầu mấy nốt nhạc dạo **Đồ, Rê** và tiếp theo là một bản hùng bi ai oán.

*Thầy ơi; Ngoài kia gió mưa nhiều, thầy sao mãi yên ngồi,
dưới mái chùa kính yêu thầy ơi! Ngoài kia chết quá nhiều, thầy
sao nỡ yên ngồi, nhìn nhân loại quạnh hiu.*

Bom rơi

Đạn rơi

*Thầy phơi và đầy những oan hồn, đang oán hồn chiến tranh.
Thầy đau nỡ cam đành, nhìn nhân loại sát sanh*



tình thương — thấy sao quá ngập tràn, nhưng trong cảnh
mơ màng,

— Dời cần một tiếng — Vang, vang, vang .

Thầy ơi ! Còn đợi đến lúc nào khi các bậc kêu gào —
buộc chấm dứt chiến-tranh.

Và

Tình thương, — nên cung ứng lúc này, vì chậm trễ một ngày,
ngàn vạn triệu chết oan — oan — oan — oan...

Tiếng hát chậm dứt, lời nhạc còn ngân-và
không biết tôi mơ hay tỉnh, mộng hay thực? Ai hay
tôi? Tôi hay ai — Và tiếng nhạc ấy cùng ai? Ai là
thấy và thấy là ai?

Nhiều dầu hỏi dập dồn quá, tôi chỉ biết ghi
vào đây để nhờ quý bậc cao minh chỉ giáo và đợi
các vị thiện hữu đồng tâm tìm ra một công thức
để trả lời cho tác giả của bản nhạc. Và không hiểu
vô tình hay cố ý ai đã trôi lên MỘT BẢN NHẠC
giữa đêm khuya?

THÔNG — BỮU.



ĐỌC AN-LẠC

Số 9, Quý vị không còn bực mình vì sự ần loát và kiểm duyệt.

An-Lạc số 9 nhiều loạt bài sôi động

- Nói thẳng
- Nói sự thật
- Dám đập mạnh

Kể từ An Lạc số 9 Ban biên tập được kiện toàn hơn và đầy đủ, bài vở chọn lọc giá trị.

* đường lối vẫn không thay đổi.

PHÁT HÀNH TRƯỚC NGÀY 15- tháng 3 1967

AN - LẠC tạp chí

Thẻ lệ nhận bài



- Không nhận bài có tính cách đòi trụ.
- Không nhận những bài có tính cách ủng hộ cá nhân.
- Không chịu trách nhiệm những bài lai cáo.

oOo

- Bài vở xin viết trên một mặt giấy.
- Bài không đăng không hoàn bản thảo.
- — TẠP CHÍ CHỦ TRƯỞNG DUNG HÒA ĐỒNG TÂY
KIM CỒ, PHÁT HUY và XÂY DỰNG VĂN HÓA
DÂN-TỘC, PHỔ-BIỆN GIÁO-LÝ DUY TRÌ ĐẠO
ĐỨC.

Nơi tập trung nhiều cây bút danh tiếng và giới thiệu những
mầm non văn nghệ.

TIN MỪNG

QUAN TRỌNG

Các tự viện cùng đồng bào Phật-Tử đang khao khát và tìm thỉnh

Kinh Lương Hoàng - Sám

* Thi dịp may THƯỢNG-TỌA: THÍCH-VIÊN-GIÁC cho tái bản bộ SÁM-HỐI QUAN TRỌNG (kể trên).

In tại ấn quán Phổ-đà-sơn

Số 68 Nguyễn-huệ Phú-nhuận
Sài-gòn



Quý vị cần in để phổ-biến hay ấn-tống xin
thư về địa chỉ Ấn-quán Phổ-đà-Sơn quý vị khỏi
phải tính tiền sắp chữ vì đã sẵn bản chì — GIÁ RẺ
ĐẶC BIỆT dành riêng quý vị ẤN-TỐNG.

CHUYỆN CŨ NGƯỜI XƯA

ông Nguyễn-Văn-Tương Thị Trưởng thị Xã-Vinh Bến-Thủy

TU-HỒNG

Ông Nguyễn-văn-Tương, người tỉnh Quảng-Trị, là một nhà quân sự do Pháp đào tạo ra, ông tăng qua Pháp giúp mậu quốc đánh giặc Đức trong thế chiến thứ nhất 1914—1918. Với chức vụ Chuẩn-úy.

Ở Pháp về ông vẫn ở trong hàng ngũ quân đội Pháp ở Đông-dương.

Năm 1930, Đảng Cộng Sản gây chiến loạn ở vùng Nghệ-tĩnh chủ-trương Pháp lúc đó là quân sự hóa bộ máy cai trị hành chánh. Bởi vậy ông được bổ nhiệm làm Thị trưởng thị xã Vinh—Bến, thủy, tỉnh lỵ Nghệ-An, là nơi sôi động nhất.

Khi ông được bổ nhiệm chức vụ đó, mười hai phủ huyện trong tỉnh Nghệ-An đã đi mừng ông một câu đối sơn mài rất đẹp, mang hai dòng chữ sau đây :

«Thiệt huyết nguyên luân tăng Pháp địa

«Hay qua sự nghiệp ái Nam thiên»

Nghĩa là Nơi chiến trường sắt man Ngài đã lập nguyên luận tại đất Pháp ; bây giờ về Việt-Nam, sự nghiệp ấy Ngài vẫn tiếp tục bằng vũ khí, Gươm, Giáo.

Nhưng ở đời, như một nhà thơ đã nói :

Vào trường danh lợi Vinh liền nhục

Tới cuộc trần ai khóc lẫn cười»

Nhưng, trước khi kể câu chuyện «nhục» của Ngài Thị-Trưởng Nguyễn-văn-Tương, chúng ta hãy đi ngược lại dòng lịch sử Việt-Nam thời Pháp thuộc.

Theo hiệp ước PATÉNÔTRE năm 1884, Chủ quyền đất nước vẫn là người Việt-Nam, mà người Pháp chỉ có nhiệm vụ «bảo hộ» bảo nghĩa là giữ gìn, hộ nghĩa là giúp đỡ ; bảo hộ nghĩa là nước Pháp giữ gìn giúp đỡ để bảo vệ tự do và độc lập cho Việt-Nam, cho khỏi lại Như bị Tàu xâm-lăng thôn tính. Đó là một luận điệu cực kỳ gian manh của bọn Pháp mà người Việt Nam từ đứa trẻ mười tuổi, tới cụ già tám chín mươi từ nông thôn tới thành thị không ai không biết.

Riêng ông Tương, chỉ vì lóa mắt trước danh lợi tầm thường, vì thân phì gia, mới không thấy được sự kiện hiển nhiên đó, cho nên ông mới mang lấy cái nhục.

Số là sau mấy tháng nhận chức Thị trưởng, ban đêm Ngài cứ năm rưỡi đi tuần, có khi đem theo cả lính tráng, lại cũng có khi Ngài đi một mình.

Hôm đó, sau một cuộc rượu hơi làng tàng, Ngài lặn súng đi quây phố «Cỏ đầu» thuộc phố đệ tứ thuộc xóm bình khang núp dưới bóng đàn hát. Ngài đi qua một hiệu phố nọ, nghe trong đó có tiếng ngur lộn xộn, Ngài xô cửa vào thì bắt gặp mấy tên lính Sen Đầm (gendarmes) tây, đang chọc gáo, Ngài dữ giọng tịch thượng cảnh cáo tội họ

hưng tui hẳn không chịu xin lỗi Ngài, mà lại còn đòi bắt Ngài, tui hẳn
bi : tui tao có quyền bắt tất cả người Anuamites, kể cả Thị trưởng.
ong khi cãi vả xung đột, Ngài có nổi một phát súng chỉ thiên để thị oai.
ưng tiếng súng của Ngài chẳng những không thị oai được với chúng
à còn bị chúng cầm hai tay lại, được tới nộp Ngài cho sở cảnh sát
dĩ nhiên là Ngài được trả tự do ngay.

Sau khi vụ này xảy ra, ông Tổng Đốc Nghệ-An chỉ yêu cầu viên
công sứ vĩnh một điều là bắt buộc sở gendarmierie Pháp phải xin lỗi ông
Thị trưởng. Nhưng ác hại thay viên công sứ không chịu làm, mà chỉ
vén bố một câu ồm ồm là :

«Tôi rất tiếc một việc như thế đã xảy ra» vậy thôi.

Cầu nguyện

Nguyễn Tây phương giáo chủ đại từ-bi phụ tiếp dẫn
ạo sư A-Di-Đà-Phật phóng đại hào quang tiếp-dẫn hương-linh

Phật-tử Trần-xuân-Quang

Pháp-danh MINH-LƯỢNG (cố Đại-úy)

Quá vãng vào hồi 24 giờ ngày 27 tháng giêng năm Đinh-Vị,
tại tư-thất 40 đường BẠCH-ĐĂNG - GIADINH

VĂN-SANH CỤC-LẠC QUỐC

Tặng chúng và Phật-tử chùa Quán-thế-Âm đồng cầu nguyện

Những câu hát hò khoan của Miền Trung nước VN

SONG-TH

Miền Trung ngày trước, ai làm nhà ngói thì có cuộc GIẢI VOI. Vì lúc bấy giờ tại nhà quê không có xi-măng, chỉ lấy đường hay n và đá bột, cát nước nhót, trộn với vôi để xây vách tường, hoặc thành, cho nên mỗi khi có ai cất nhà ngói thường rước đôi người biết điệu hát HÒ - KHOAN để giúp vui mà cũng quyến rũ những người trong làng, lối xóm đến họ giả trộn cho. Có giọng hát quen sự mệt nhọc. Nếu hát hay, chẳng luận người loanh-quanh đó, có người phủ Huyện khác cũng lần mò tới nghe, hoặc hát đối đáp. lắm, có khi kéo dài cả tháng cũng có người đến xem không khác đám hát bộ ở đình miếu vậy. Lại không những Giải-Voi, đến gọo nếu có con hát hay họ cũng tụ đến như thế. Đêm lại chủ chỉ dài chề xôi hay là bánh trái gì đó thôi.

Tỉnh Quan-Nam, Huyện Đại Lộc, có làng gọi là Thu-Bồn làng Phú-Xuân, Lúc bấy giờ, tại miền Trung có dật vãi gọi là vãi — Trong làng tôi có người xây cất nhà ngói, mới rước hai cô Hò-Khoan hay có danh, một gọi là Tần, một nữa gọi là Tấn. Nghe c

Cô Tấn ở huyện Đại-Lộc, còn cô Tấn ở Phủ Huyện nào không được rõ, vì lúc ấy tôi còn nhỏ lắm.

Cô Tấn hát : gái Phú-Xuân ôm cây vãi Hẹ, xuống chợ Thu-Bồn ngồi đợi chợ Đông. Em mau đổi lại cho thông, về đây chị sẽ qua ông kết duyên.

Tấn hát đối lại: Khách Quảng-Đông mua chiếc tàu Tây, qua Nam-Việt dọn hàng thuốc Bắc. Chị ra cầu tứ thời thiệt mắc, em đổi bốn hướng mệnh-mông, về đây chị phải sang sông, kết duyên Tấn Tấn tâm đồng với nhau.

Năm sáu năm sau, lại có một hội cất nhà tại huyện Duy-Xuyên, cũng rước hai cô Tấn Tấn ấy. Lúc bấy giờ 2 cô đã kết bạn tâm giao với nhau rồi, nên đi đâu cũng đi có cặp. Vì thế mà có kẻ bảo : Hai người ấy đã sắp đặt câu đối đáp trước rồi. Thành thử lúc này cứ đi hát tại đâu, lại có người lạ đến thử thách.

Hôm hát tại Chợ Chùa Duy-Xuyên. Tấn, Tấn sắp cất tiếng hát bỗng có một chàng thanh-niên. ăn vụng tiêm-tất vào đứng bên cạnh cười giả vờ chăm chú chờ nghe hai nàng ấy hát.

Tấn ngó anh thanh-niên ấy, rồi hát :

Thầy Đồ ngồi dạy học trò, Tân-thư khai hóa một pho cứu đời. Sao chàng mãi-mãi đi chơi, Ham vui chịu lạng người đời ích chi !

Thanh-niên kia đáp lại : Du Xuân lạc bước đến đây ! Học hành cũng có những ngày nghỉ-ngơi. Từ đây góc bể chơn trời, hỏ-khoan ta óp mấy lời mua vui. Hỏi cô tuổi đã mấy mươi ? Mà đi hát dạo ra người ngày thơ !

Hỏi chi những chuyện vu-vơ, Hỏ-Khoan hát dạo bao giờ kém ! Xuân Thu mới có hăm hai, làm sao sánh kịp với trai sách đèn. Người hèn nghề nghiệp không hèn gặp trắng quây vãi, gặp đèn vá may.

Lại có một người đàn ông, tuổi độ bốn mươi nhảy vào cầm chày cất tiếng :

Cầm-Giang xuân sắc lại thiên địa, Ngọc lũy phù vân biến cồ kim.
Mấy phen thế-cuộc nổi chìm, Cảnh xưa còn đó khôn tìm người xưa.

Đạo trời rày nắng mai mưa, Biết đâu non nước cho vừa lòng trông?

Tần hát trả lại : Như tình tợ chỉ tương tương bạc,

Thế sự như kỳ cuộc cuộc tan.

Vui chơi trong chốn hồng-trần, Như Tiên nhỏ-nhỏ như Thần con con.

Mấy phen gió mát trăng tròn, Người xưa không gặp cảnh còn như xưa.

Bao giờ thuận gió hòa mưa, Thái bình thiên hạ mới vừa lòng trông.

Ông kia khen tài mẫn tiệp, bảo rằng : Người văn học cũng chưa chắc đã được thế. Lúc bấy giờ, cô Tần lại tiếp theo hát

((Một con vịt mái cặp-cặp mái, cặp đi, cặp lại, cặp đến đại cũng chỉ có một con. Khi có đôi không cặp chíc dòn, đến khi họ bán hày còn cặp chỉ !

Hỏi chàng, chàng nói cho đi, bàn ra đổi lại nữ-nhi xin hầu.))

Người thanh-niên ấy đứng lên cầm chày hát trả lời :

((Một bầy gà con chiếc-chiếc chầy, chiếc đó chiếc đây cũng vầy cả mái. Bàn ra chữ “ Bì chung phục thái, ” “ Đổi lại câu ” an tất lự nguy. ”, cả bầy còn sợ nổi tương-ly, cũng như con vịt nọ nhớ khi tương phùng Hiện tình sống gió mệnh-mông, nước non xin nhớ trùng-phùng kiếp sau.))

Những điệu hát, giả vôi, giả gạo, hò khoan hát hò, là thuộc về những người không học hay là có học một đôi chữ, chứ không phải dành cho các Thi-nhân tao-khách, họ dù chỉ là những người quê mùa, chất phác, nhưng cũng lắm tài hoa, tùy theo hứng thú dỗi-dào mà thốt ra những câu đối đáp với nhau đầu đến các bậc trí thức chưa hẳn có tài ứng biến mau lẹ như họ. Qua những buổi giả vôi này, chúng ta nhận thấy người thanh-niên và người đứng tuổi ấy từ đâu xa lạ, tung tích rất mờ hồ, nhưng cũng lắm vẻ tài hoa và giàu lòng ưu ái, nên mới hát lên những câu đầy tình ý cao thượng như vậy.

Những câu Hò-Khoan của miền Trung cũng như lối Ca-dao miền Bắc hay lối hò cấy lúa miền Nam là những điệu hát bắt nguồn từ trong Dân-tộc, nhưng chứa chan tình cảm tâm hồn của tiền-nhân chúng ta vậy.

SONG - THU

Tin tức Phật Giáo

Hòa-thượng Tăng-Thống Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, vừa gửi cho Giáo-Hội Tăng-Già Nguyên-Thủy một thư văn đề ngày 12-1-1967 nội dung bức thư văn :

Yêu cầu Thượng-Tọa Giới-Nghiêm (Tăng-Thống Giáo-Hội Nguyên-Thủy) và toàn ban chương quản, nên duyệt xét lại quyết định mà thông thư dẫn thượng số 206—GHTG đề ngày 3-1-67 của Giáo-Hội Nguyên-Thủy đã gửi xin rút ra khỏi giáo hội, việc ấy chẳng lợi gì cho đạo pháp và dân tộc, mà chính có hại cho hiện tại cũng lịch sử và một sự thiệt hại lớn nhất là thiệt hại chính cho giáo phái Nguyên Thủy.

Nguồn tin thông thạo cho biết. Bộ quốc phòng vừa ra nghị định chấp nhận miễn và hoãn dịch cho các vị tu sĩ của các tôn giáo.

VỀ PHÂN PHẬT-GIAO :

Điều kiện miễn dịch cho quý vị đã thọ cụ túc giới—và hoãn cho quý vị thọ Sa-di giới một năm, đơn hoãn dịch của quý vị Sa-di phải gửi về Tổng vụ Tăng sự chuyển đạt và mỗi vị được xin ba lần. Nếu lần thứ ba mà tự hành không tinh tấn và chưa thọ cụ túc giới thì vị Sa-di ấy không có quyền xin hoãn dịch nữa.

thề lệ trên chỉ dành riêng cho tu sĩ Phật giáo Thống-Nhất (đã vượt khỏi đạo vụ số 10) và đặc biệt là các vị cư trú lang thang, (ở nhà cư sĩ) thiếu giấy tờ hợp lệ của giáo hội, vẫn bị gọi đi quân dịch như thường

Thư văn số 103 của giáo hội Phật-giáo Việt Nam Thống nhất gọi chư tôn hòa thượng, thượng tọa Đại đức trụ trì các tự viện giáo hội thuộc đô thành Saigon, Gia-định, Mục đích thư văn nhắc nhở sự lưu tâm đến việc tồn vong của đạo pháp là đào tạo Tăng tài. Giáo hội vì chủ đích trên nên đã mở rộng chương trình thu nhận Tăng sinh tại Phật học đường Huệ-Nghiêm (An đường địa).

Trần trọng yêu cầu quý vị Tăng sĩ và Phật tử nên tỏ chức những cuộc hành hương thăm viếng Phật học đường để khuyến khích và giúp đỡ vật chất cũng như tinh thần hầu giúp các vị tu sĩ đủ phương tiện yên tâm tu học. Nhờ đó đạo pháp ngày mai thu gặt nhiều kết quả tốt đẹp và khôi phục lòng tin tưởng của quý bậc tiền nhân và đoàn người hậu tấn

oOo

Tăng-chúng và Phật tử chùa Pháp Quang gửi lên đức Tăng Thống giáo hội Tăng-già Nguyên thủy một thư văn đề ngày 04 tháng 1 năm 1967 Nội dung thư văn phản đối quyết định của đại hội Phật giáo nguyên thủy ngày 1 tháng 1 năm 1967 trong đó có việc xin rút ra khỏi giáo hội thống nhất.

Vì đại hội có nhiều lý do không hợp pháp trong đó có vấn đề hội viên tham dự chỉ có 34/84 như vậy là chưa quá bán theo quy định Bức thư trên mang nhiều chữ ký Tăng sĩ và Phật tử, đặc biệt nhất là có chữ ký của Ngài Tăng Trưởng chùa Pháp quang (đại đức Thiện Lực) Bản thư văn xác nhận phần chót là giáo hội Nguyên thủy vẫn không rút ra khỏi giáo hội thống nhất. Việc làm vừa qua chỉ là một sự đáng tiếc của thiểu số trên tỷ số 22 trên số 84 người.

S.O.S

KHẨN CẤP CỨU NGUY:

TẾT VỀ xin quý vị Tỷ phú, Triệu phú các vị Thương gia tiền dư gửi ngân hàng, dành riêng chút quà mọn cứu nguy, những em bé mồ côi, những cô nhi quả phụ, những nạn nhân của chiến tranh, hiện giờ không cơm ăn, không nước uống, áo mặc, nhà ở, phải tạm trú đình, miếu, bụi bờ.

Xin quý vị từ tâm nghĩ đến đồng loại của chúng ta.

An-Lạc tạp chí thành tâm kêu gọi.

Độc thơ

Phương Đài .

THÙY-DƯƠNG-TỬ

Phương Đài trao cho tôi cuốn Đất Mẹ mới xuất bản và nhờ tôi phê bình.

Tôi không biết phê không biết bình, chỉ biết đọc và biết cảm. Tập thơ dày 84 trang. Bé Kỳ vẽ bìa, Vũ Hạnh đã tựa.

Tôi vớt cuốn thơ Đất Mẹ trên gác trọ—rời đi.

Trưa nay về lại đúng y một tháng. Cởi trần nằm trên sàn. Rệp cắn. Muỗi đốt—tay nâng Đất Mẹ đọc chơi. Những bài thơ đầu làm tôi bực mình. Nhưng rồi mắt tôi lại sáng lên :

« Lành lạnh heo may về xóm cũ »

Ai người đi giữa mùa sương gió

Đề nhiệt thành theo khắp nẻo đời »

Phương Đài đã làm tôi ngạc nhiên khi :

« Người xưa linh hiển trên trang sách

Nhịp bước hùng vang ánh thép cài »

Ảnh thép cài nơi đâu?—Ta không biết. Chỉ biết rằng: Thơ
Phương Đài hay trong thực cảnh hôm nay.

*«Lịch sử quanh qua một dốc cao
Diễn trường vang dội tiếng hoan hô
Em không còn phút say hư ảnh
Tôi cũng bùng tai qiong suối hồ»*

Phải rồi, em say hư ảnh làm gì khi đất nước chúng ta đang
mầm trong điêu linh. Và tôi đã xoá đi suối mơ hồ diễm lệ. Vì cái
mới ở hiện tại là Đất.

Phải rồi, Đất đáng nói lắm. Đất đáng yêu lắm. Vì những người
yêu Đất cần phải.

*«mỗi bãi lênh đênh đời sống gió
con thuyền xông lướt vượt vòng qua*

hay :

*Khởi lửa nhiệm màu theo tháng năm
Đề nuôi bền vững mộng âm thầm
Biết bao tiềm lực vừa rung rẩy
Ngã xuống bên đường chết lạng cam»*

Đó là những hơi thở mà Phương Đài đã nói trong Đất Mẹ.
Chúng ta nghe hai chữ Phương Đài có vẻ dài các quá—nhưng, đọc
thơ nàng rất chân thành, mộc mạc, dễ thương:

*«Thương bến An Thành, nhớ cò chiền»
Thấp thoáng thuyền về nặng nhớ thương*

hay :

Vời trông xứ Quảng xa thăm thẳm
Lớp lớp mây găng lấp nề về
Có những chiều đi trong lặng lẽ
Bàn giang đợi khách chuyển đồ ngang
Đồng Bào hẹn kết tình Di Tuấn
Ngày tháng âm thầm lướt sóng sang

Thật là bình dị của tâm hồn yêu quê hương, yêu Đất của người
thơ Phương Đài.

« Quê hương vui bóng khói
Thuyền thương hồ lang thang

hay :

Bè gỗ thả xuôi dòng
Nồi khoai bốc khói, hương đồng nội
Rau mướp còn mơ vị mắm đồng
Nếp mới chiêu say mùa nắng hạ
Về đây ai mà không thương ».

Ai mà không thương, thật là dung dị thay hình ảnh
của quê cha Đất Mẹ.

Nồi khoai — hương đồng nội
Rau mướp — mắm đồng
Nếp mới — mùa hạ
Ôi, đẹp thay ngày thanh bình ấy
Ôi! đau thương ngày hôm nay!
« Tôi ở bên này nhìn dấu đạn
Âm thầm tôi tả mảnh quê cha

hay :

« Trên đất phù sa khói lửa tràn »

Vì khói lửa tràn lan nên mới có vết thương chia cắt đôi sông núi — Quê hương mờ bóng khói, thuyền thương, hồ lang thang. Thật kỳ diệu thay Phương Đài thi sĩ :

« Quê hương mờ bóng khói

Thuyền thương hồ lang thang »

hay :

« Nửa phiếm trăm tư rơi bóng gãy

Làn sóng xa xưa tìm dáng sử

Khung thiêng giăng mắc áng thơ mây »

Người thơ trong thơ — trong thơ đánh giá trị thi sĩ Phương Đài đã trở thành nữ thi sĩ thực thụ trong số nữ thi sĩ có mặt tại miền Nam Việt Nam khi « ANH VỀ SAO KHÔNG ĐẾN THĂM TÔI »

Đó là một bài thơ đưa giá trị Phương Đài lên cao. Và, đó cũng là bài thơ hay nhất trong toàn tập Đất Mẹ.

Bài thơ nói lên được tình quê hương tình Mẹ, tình Đất tình anh, tình em mà không nhàm chán. Tình yêu trong sáng của lứa tuổi nhi đồng, tình con tim lớn lên tách rễ giòng xanh, tình mang đi một xứ xa xôi trong triều nhi mộng trong dĩ vãng của kỷ niệm mờ phai. Cái tình bàn bạc mong manh như tơ như sương nhưng cũng bền vững trong thời gian vô lượng.

Nơi đây tôi xin giao Phương Đài lại cho đọc giả trong :

ANH VỀ SAO KHÔNG ĐẾN THĂM TÔI

Hôm qua anh về sao không đến thăm tôi

Quê miền Trung năm nay có thay mùa đổi tiết ?

Hôm qua anh về sao không đến thăm tôi ?
Sông Thu Bồn dòng nước xưa xanh biếc ?
Quê mẹ đất nghèo qua mấy mùa nắng hạ
Khoai ghé cơm cùng bắp sắn nước chè xanh.
Và đàn trâu ốm lang thang về mái rạ
Rồi những chiều tàn, mây trắng nhớ mong anh
Anh nhớ một chiều xưa mây vàng tha thướt
Tôi cùng anh đã phiêu bạt bến trường giang
Thuyền lơ lửng, đưa ta xuôi về Mỹ lược
Muôn sự tơ trời là lướt vướt bên khoang,
Trời kỷ niệm ấy vụt đã rồi thương nhớ
Hoa trôi mấy mùa, sông núi rộng mang mang
Anh quên lãng—nhưng tôi còn thương còn nhớ
Ai kết mào vàng cũ làm lễ đáng quan ?
Thôi lịch sử như cuồng lưu xoay chuyển mãi
Mái tóc phiêu bồng theo gió lộng ngàn khơi
Tôi vẫn thấy tâm hồn tôi là trẻ dại
Nhặt mảnh trăng hồng sưởi ấm mộng chơi vơi.

THÙY-DƯƠNG-TỬ

Đón đọc An lạc xô tét

Những người thơ trong mùa xuân

Ngai vàng và tội lỗi

TRONG thuở quá khứ, Đức Bồ Tát sinh vào dòng Bà-La Môn (Brahmana) tên Cung Đa (Kunda) tại kinh đô Ba-La-Nại (Baranasi). Ngài xuất gia làm Đạo sĩ ở tại rừng tuyết lãnh rất lâu. Ngày nọ, Ngài về thành Baranasi ở tại vườn thượng uyển. Lúc ấy, Đức vua Baranasi tên Kha Lạc Phu (Kalapu) uống rượu say, dẫn phi tần vào vườn thượng uyển chơi và vì say nên Ngài ngủ quên tại vườn thượng uyển. Các phi tần thấy nhà vua đã an giấc, rủ nhau đi chơi, gặp vị đạo sĩ đang ngồi dưới cội cây dừng bèn đến làm lễ Ngài, xong rồi ngồi nghe Pháp.

Khi đức vua tỉnh rượu thức dậy, không thấy một phi tần nào hầu ngài cả, nổi giận xách gươm đi kiếm. Khi ấy có một bà vương phi mà đức vua yêu nhất giết gươm, can gián ngài nhưng nhà vua đang tức giận không nghe.

Khi đi đến cội dừng, thấy vị đạo sĩ đang ngồi thuyết pháp đức vua hỏi : -

- Này thầy Sa Môn, người hẳn dạy người đời những gì ?
- Tâu Đại vương, Bản đạo hằng dạy về sự nhẫn nại.
- Nhẫn nại là gì ?

— Nhấn nại là sự không sẵn hận trong khi kẻ khác nhục mạ, bằng mọi hình thức và chưởi mắng, đánh đập hành khinh bỉ mình.

— Nếu vậy, ta sẽ trông thấy người có nhấn nại hay là không?

Rồi đức vua truyền:

— Ngự lâm quân hãy đánh Đạo sĩ này một trăm trượng, Đức vua lại hỏi Đạo Sĩ:

— Người hằng dạy những gì?

— Tâu Đại Vương, Bản đạo hằng dạy về nhấn nại. Có lẽ Đại vương tưởng rằng: Nhấn nại ở theo đa bản đạo chăng? Nhấn nại không ở theo đa Bản đạo đâu, mà ở trong tâm bản đạo.

— Các người hãy chặt tay và chân của vị đạo sĩ này cho trẫm.

Sau khi chặt tay chân xong, Đức vua hỏi như lần trước. Ngài Đạo sĩ tâu rằng:

— Tâu Đại Vương, Bản Đạo hằng dạy về nhấn nại. Đại vương tưởng rằng: nhấn nại ở theo tay chân của Bản đạo chăng? Nhấn nại không ở theo tay chân đâu.

Đức vua bèn truyền lệnh:

— Các người hãy lát tai, xẻo môi, móc mắt tên đạo sĩ này cho ta. Sau khi làm xong việc độc-ác vô cùng ấy đức vua lại hỏi như câu vừa rồi. Vị Đạo sĩ cũng trả lời như trước. Nhà vua tức giận nện gót chân lên ngực vị đạo sĩ rồi bỏ đi.

Mặt quả địa cầu chịu nổi sức nặng của núi tuyết nhưng không chịu nổi tội lỗi của nhà vua đã làm, nên nứt ra thành một hố sâu. Đức vua bị đất rút và sinh vào địa ngục A Tỳ (Aveci)

Sau khi Đức vua ra đi, có một vị đại thần vào lau máu cho ngài đạo sĩ và nói:

— Bạch Ngài, nếu Ngài có giận xin Ngài giết nhà vua làm hại Ngài, đừng giận chúng tôi.

Vị Đạo sĩ đáp :

— Nhà vua nào truyền chặt tay chân, cắt tai cắt mũi và móc mắt, đánh đập ta, ta xin nhà vua ấy được sống lâu an lạc. Vì người như ta không bao giờ biết giận.

oOo

Hạnh của Đấng Đạo Cả, mặc dù đã chết, nhưng vẫn còn lưu lại hương lành.

Sống trong thế gian đầy dẫy sự bất công và áp bức này, có biết bao người vì thế cô, nghèo khổ bị kẻ mạnh dựa uy quyền mà áp bức si nhục mình bằng mọi hình thức, nhưng chúng ta hãy theo gương của Đại Đức Kunda là nhẫn nại chịu đựng sự đau khổ và dùng lòng từ bi tha thứ họ, còn cầu nguyện cho họ được sống lâu và an lạc.

Kẻ đã mặc nhiên tạo sự đau khổ cho người khác, thì làm sao có thể tránh được một quả khổ tàn khốc đến đời họ kiếp này lẫn kiếp khác. (vì trong Dhammapada đức Phật đã dạy).

Trường hợp của Đạo sĩ Kunda cũng là một hoàn cảnh thử thách mức tu hành có được cao thượng hay chưa ? Chỉ có lúc vừa hiểm nguy vừa gian khổ và vừa bị kẻ độc ác tiều nhân trả thù, áp bức mình mà mình bình tĩnh lòng yên tĩnh được mới gọi là bậc phạm hạnh và hiền nhân. Mà người hiền nhân thì bao giờ cũng toàn thắng trong vinh dự và vẻ vang.

Đại Đức PHÁP SIÊU

Vấn đề giáo dục Việt-Nam

NGUYỄN-BÌNH-TUYÊN

Huấn luyện công nhân và mở các trường Bách Khoa thực hành

NÓI tới giáo dục, chúng ta thường chỉ quan niệm tới việc gây dựng cho con em chúng ta thành những ông chủ, ông nghề, nếu chúng ta sống lụi về cách đây năm, bảy chục năm, hay thành những bác sĩ, kỹ sư, nếu chúng ta đương ở nếp sống hiện tại, ít người lo nghĩ tới việc chúng ta phải giáo dục tất cả mọi người ở mọi giai cấp thì mới mong đưa quốc gia tiến tới một tương lai rực rỡ:

Kẻ đi học, có tiền, có khiếu thông minh, có nhiều may mắn mới mong học được đến đâu đến cuối. Những kẻ không đủ tiền ăn học không may mắn trên đường khoa cử, nên cho vào học trong các trường dạy nghề, trường bách nghệ thực hành, mà trong đó không có ngành nào chúng ta không dạy. Từ nghề thợ mộc, thợ nề, cho tới nghề làm đinh làm sắt, nghề dệt, nghề may... nghề chần tằm ươm tơ nghề thêu, nghề dệt... nghề làm bát đĩa, nghề đúc thủy tinh, đúc cao su. Không có một thứ kỹ nghệ nào, một tiểu công nghệ nào mà nước Việt Nam có thể sản xuất ra mà lại không có ở bách khoa hay bách

nghệ học đường... Tất cả các xưởng thợ, các công trường, nông trường, đều có thể biến thành nơi thực tập. Chúng ta phải tìm cái dở của mình và cái hay của người. Cái dở thì chúng ta bỏ đi, cái hay thì chúng ta giữ lấy. Chúng ta luôn luôn nên cử người đi ngoại quốc du học. Chúng ta rất lấy làm lạ là bãi cát Phan Rang mãi mãi vẫn phơi bày ra trước mắt mọi người mà hàng năm cát ấy chúng ta cho xuất cảng sang Nhật không biết bao nhiêu vậy mà nghề làm thủy tinh của chúng ta không những không tiến được một chút nào, mà chỉ thấy cùn mòn mãi đi... Trước năm 1945 ở Bắc Việt nhiều nhà Thủy tinh Việt Nam đã sản xuất ra nhiều bộ cốc chén thật đẹp, cho vào nước sôi không vỡ, ngày nay sau hơn hai mươi năm nắm quyền độc lập trong tay, riêng về ngành thủy tinh chúng ta vẫn thấy kém cỏi... Những tấm kính dày, to, rộng lớn chúng ta vẫn phải nhập cảng từ ngoại quốc vào. Thật là nhục nhã cho những danh từ độc lập mà từ trên 20 năm nay chúng ta khoác lên Tờ Quốc chúng ta...

Nhìn sang kỹ nghệ dệt cũng vậy, tơ tằm của họ thật là óng là chuốt, tơ mảnh ra tơ mảnh, tơ gốc ra tơ gốc, nhìn vào bó tơ của họ so với bó tơ của mình, thật là một trời một đất. Vải, sợi dầy của họ cũng vậy đã không có một chút mẫu chốt, không tìm thấy đầu nối lại se thật đều trong khi chúng ta sợi vải vẫn se bằng tay, chỗ nhỏ chỗ hút, chỗ cục lên, không ra sao cả. Nhìn vào hàng dệt lại chán nữa. Chúng ta không nói tới những cái máy thêu sơ nhà quê, chúng ta nói ngay những máy dệt mua của ngoại quốc, sợi dệt nhập cảng từ ngoại quốc vào, đến lúc chúng ta dệt lên tấm hàng vẫn kém hàng nước ngoài thập bội. Hàng của mình vừa mỏng vừa mát, hàng của người vừa đều vừa bền, hàng của mình chỉ mặc một vài lần là muốn vứt bỏ hàng của người lúc rách vẫn giữ nguyên màu. — Chúng ta phải thấy đức tính ăn thật làm dối của một số công nhân VN. Tiền muốn lấy thật nhiều, làm thì tắc trách xong thôi, không lo hậu quả tới ngày mai... Việc làm kinh tế chỉ huy của chánh phủ thì chỉ muốn làm cho

đầy túi tham của mấy ông cấp giấy mua bán, còn kiểm soát hàng hóa thì không có. Công nhân cũng vậy, khi tranh đấu thì đòi lương cao, nhưng khi nói tới phẩm vật tẩm hàng thì thấy đồ cho thợ, thợ đưa cho thầy...

Nhìn sang bất cứ công kỹ nghệ nào, chúng ta cũng thấy mình kém cỏi, không nói đâu xa, nói ngay tới kỹ nghệ nấu ăn, chúng ta cũng thấy mình kém người Tàu rất xa... Chúng ta cứ nhìn hàng ngày bao nhiêu đám cưới bao nhiêu đám tiệc từng đều phải nhờ vào phòng tiếp đãi của người Tàu tất cả. Hàng tháng tiền chi tiêu vào sự thù tạc đó vào túi người Tàu bao nhiêu rồi. Chúng ta không thể thấy một người công nhân VN nào tận tụy như người công nhân Trung Hoa trong sự niềm nở với khách hàng. Bao nhiêu sự khó tính, họ cũng trừ liệu được hết thảy, và không có một chút than phiền, khách hàng càng đông họ càng chịu khó, họ không bắt nạt chủ, nay nghỉ mai thôi, ngày kia đòi tăng lương như người Việt... Hơn nữa của chủ, cũng như người làm công, người này trông nom người kia, ít khi xảy ra truyện ăn cắp, ăn nẩy, hay mất méc thứ này thứ khác.

Kỹ nghệ Việt Nam mình không thể phát triển mạnh được, chính vì những công nhân của ta không được huấn luyện thành thực, không hiểu nhỏ hòa đồng dễ xây dựng mà chỉ mong gây mâu thuẫn dễ phá hoại...

Sự gây mâu thuẫn dễ tranh đấu kể ra cũng có nhiều duyên cớ. Đôi khi chúng ta thấy những công nhân làm đâu tất mặt tối đề mong kiếm tiền đưa cho vợ con thì bị ngay phó cả hay cai thầu ăn chặn, ăn xén, mất số tiền lương. Không tranh đấu, lẽ dĩ nhiên là không được. Nhưng điều đáng buồn là có thể khi chính chàng công nhân ấy được trở nên phó cả, hay cai thầu, thì lại vẫn quen lẽ lối cũ, là lại ăn chặn tiền

lương của đám em, nhiều khi lương gặt cả mấy tháng lương của bao nhiêu thợ bạn là bằng khác nữa... Thành ra ở Việt Nam lắm khi người ta nhìn một anh cai thầu giàu có, bằng con mắt khinh bỉ, vì người ta nói anh chỉ là một thằng ăn lương ăn quýt giới mò thối.

Rồi công nhân phá xí nghiệp, chủ nhân quýt tiền của thợ luôn luôn xảy ra trong cái xã hội thối nát này. Những chứng bệnh ấy chúng ta phải đem ra mổ xẻ tại học đường công nhân và phải tìm cách ngăn chặn làm sao cho ở thế hệ mai sau trong lớp công nhân tân tiến không có tiếp diễn những trò bỉ ổi ấy nữa.

Có giải quyết được những sự mâu thuẫn giữa công nhân thiện chí và cai thầu hay chủ nhân bắt lương, cùng giữa chủ nhân thiện chí và công nhân bắt lương mới mong phát triển được các xí nghiệp lớn, tương lai công kỹ nghệ của nước nhà. Chúng ta phải nhìn vào vị trí địa dư của VN cả một miền Tây nam Trung Hoa và Á châu sẽ có thể trở thành một thị trường của chúng ta, và trồng cây vào sự tiếp liệu của chúng ta. Nếu chúng ta tiến nhanh thì không ai có thể thay chúng ta để làm thỏa mãn cái thị trường vĩ đại và dễ khai thác ấy. Việc thiết yếu là từ bây giờ chúng ta phải lo huấn luyện những con người của chúng ta, những công nhân của chúng ta và phải lo xây dựng một nền công kỹ nghệ hay một nền tiểu công nghệ vững vàng...

Việc thành lập các trường bách khoa thực hành, một cách đại quy mô cần phải được thiết lập ngay, tại các đô thị rất nhiều ngang với các trường trung học. Học sinh cứ học xong chương trình tiểu học là được vào. Muốn học nghề gì thì học, Thợ nề, thợ mộc, thợ máy, thợ sửa xe... Những nhà không đủ tiền cho con ăn học đến nơi đến chốn rất được hạnh diện cho con đi học trường này... Trẻ con học thợ nề không những chỉ biết nhào vữa đánh bửa, sơn cửa quét tường mà còn phải học tất cả những nguyên tắc xây nhà xây cửa, sức chịu đựng của những bức tường, những tấm mái...

Thợ mộc cũng vậy, không phải chỉ học cưa, học bào, học đục mà còn học tất cả nghệ thuật về việc làm đồ gỗ, việc cất nhà, đóng cửa.

Thợ máy cũng thế, không phải học máy là chỉ biết cưa hay hàn mấy miếng sắt, mà có thể am hiểu được cách thức tiện một cái đinh vít đúc một bánh xe. Sau 4 năm tu học, nếu có đủ máy móc cần thiết, cậu thợ máy của chúng ta có thể hoàn thành được một chiếc xe máy một chiếc xe ô tô không ngưng nghiệp, như các chuyên viên của các nước kỹ nghệ hiện nay,.. Chúng ta có cố gắng mới có thành công, nếu không cố gắng không bao giờ đạt được tới đích. Hơn trăm năm trước vua Gia Long còn biết phá một chiếc tàu Tây đề theo đó mà làm, Cao Thắng biết rèn súng lấy đề bản Tây tại làm sao trước mẫu mực hiện có chúng ta lại chịu cái hèn muốn thuê mua của người và xin của người mãi mãi...

Rồi nghề nào cũng như nghề nào, bao nhiêu cái tinh vi, bao nhiêu cái bí hiểm của nghề nghiệp đều được phơi bày rõ ràng ở học đường, các học sinh hấp thụ được sẽ không bao giờ quên được những lời giảng dạy ấy... và rồi những chuyên viên nào có năng lực lại vẫn có thể vào chuyên khoa đại học như các sinh viên khác.

Cứ như vậy, trong năm năm, trong mười năm, người công nhân Việt Nam nào cũng có thể thành một chuyên viên hay một kỹ sư về nghiệp mình muốn học, lẽ dĩ nhiên tất cả các nghệ thuật của các nước tiến tiến hơn mình, nếu đề cho mình xem xét mình cũng sẽ có thể hiểu rõ đôi chút. Thêm vào đó các du học sinh chuyên khoa sang nước người, mắt được nhìn vào kỹ thuật nước người, máy móc nước người tại được nghe những lời giảng dạy đến rọi đến chốn, và về nhà học tác với những bạn học ở nhà và những bạn khéo chân khéo tay hơn mình làm gì không đưa quốc gia dân tộc tới một nền thịnh trị..

TỔNG KẾT LẠI

Trên mấy chục trang giấy trên đây (đăng liên tiếp trong mấy số báo 5, 6, 7, 8. Chúng tôi đã trình bày sự cải cách giáo dục phải đòi hỏi ở Thanh thiếu niên Việt Nam, cùng chính phủ nhiều cố gắng. Một sự chịu đi học để mở mang trí thức, một sự chịu khó mở trường, mở học đường tại khắp nơi đô thị để đào tạo nhân tài và xây dựng tương lai cho đất nước đòi hỏi ở những nhà lãnh đạo nhiều thiện tâm thiện chí và nhiều cố gắng.

Trăm năm Pháp thuộc đã khiến cho con người Việt Nam ngày nay trọng vật chất hơn tinh thần. Từ bọn trí thức tới bọn tư bản chúng ta cùng thấy họ mất gốc như nhau. Thanh thiếu niên và dân nghèo cũng đương nhiên lưu trong những tin tưởng duy vật nguy hiểm không kém.

Chúng ta phải chặn đứng trào lưu. Một cuộc cách mạng giáo dục đòi hỏi rất nhiều làm cơ. Thực dân đã huấn luyện con người đặc quyền lợi lên trên phận sự, vật chất lên trên tinh thần. Vì lẽ đó chúng ta mới thấy 80 năm nô lệ là 80 năm đang vợ đợ con lừa thầy phản bạn. Nhân loại ấy trong 20 năm ghê tởm tới mức nào. Cuộc cách mạng giáo dục đòi hỏi chấm dứt tình trạng này. Chúng ta phải khiến con người đặt phận sự lên trên quyền lợi, đặt tinh thần lên trên vật chất. Đức, Nhật tuy bại trận mà được biệt quốc và từ trong ngày hôm nay cũng vì đã biết đặt phận sự lên trên quyền lợi.

Chúng ta phải tận diệt tư tưởng vô liêm sỉ của bọn trí thức vong bản và bọn tư bản mất gốc. lúc nào cũng lo vinh thân phì da lúc nào cũng mơ ăn cơm hết liệi cường, hết Pháp lợi Nhật lại đến Tàu và đến tất cả cường quốc có quyền lợi ở Việt Nam bắt chấp cộng sản hay tư bản.

Nhưng bọn vô Tờ Quốc đồng quá mãi mê trong sự cầu danh bất chính và làm giàu bất chính, để làm chậm bước tiến của một dân tộc đang ở trong hoàn cảnh thì đua cùng hoàn vũ !!!

Chúng ta phải quyết tâm lo sự giáo dục cho con trẻ để phụng sự non nước ngày mai.

NGUYỄN BÌNH TUYẾN

Tạp chí AN-LẠC đã nhận được những tác phẩm:

MÁY MỒN THAM MUỐN của: Việt-Lý-Chinh. ĐÂY THY: A.H. Sông-Thương. MƠ THẤY: Nguyễn-bạch-Dương. TRĂNG RẰM Mọc-quang-Huyền. TỔNG BIẾT: Song-Thị. LẦU MƠ: Lê-Thu. NHỚ VỀ MIỀN TRUNG: Long-Nga Trần Như-Nguyên. NỬA ĐÊM: VỀ SÁNG: Thái-anh-Minh. ĐỌC CHUYỆN XƯA, TÌM HIỂU CỔ NHÂN: Nguyễn-Quang. BUỒN XA ĐẤT VĨNH: Mai-Hồ. NGÔI THÁP: TRĂNG: Nguyễn-thạch-Vũ...

Chúng tôi đang chọn lọc và đăng vào AN-LẠC những số tới. Mong nhận sáng tác mới của quý vị.

Chúc quý vị vô lượng khương-an, tinh-tiến trên đường phụng-sự Văn-Hóa Dân-Tộc.

AL

Lòng người

THƯỞNG xưa, có hai vị thiền sư cùng nhau thề nguyện sống chết có nhau. Cả hai đều dắt nhau vào núi cát tịnh thất tu hành. Tịnh thất ẩn mình dưới hai gốc cây đại thọ đông và tây. Sau thời gian vắng bóng hai ngài hoằng đạo nơi phồn hoa đô thị, người đời và môn đệ cảm thấy cõi đời một sự thiếu thốn về tinh thần, bởi nguồn suối pháp thanh lương tự nhiên mất hẳn, hình bóng giải thoát đã ẩn tàng.

Qua bao tháng ngày chuyên cần tu niệm, vui với cửa tre vách nứa, vườn trúc hoa rừng. Nhờ đức hạnh cao dày, nên cảnh núi non ngày thêm sung túc, Cây cối xanh tươi, chim muông thú rừng bốn phương tụ họp. Danh thơm, đức cả của hai ngài không bao lâu đã lan truyền khắp trong dân chúng. Vì quá quý kính, nên người đời đã gọi vị tu ở tịnh thất phía đông là Đông thất thiền sư và vị tu ở tịnh thất phía tây là Tây thất Thiền Sư. Cuộc đời bình thản yên tĩnh trường chừng như hai ngài đang sống trong chốn lạc bang Phật cảnh. Một hôm, nhà vua nhớ đến đức của hai Ngài, nên cho sứ giả đi thỉnh, Đông thất Thiền sư từ chối, Tây thất Thiền sư nhận lời xuống núi về triều thuyết pháp cho vua nghe. Khi trở về núi tiếp tục cuộc đời tu hành với bạn, Tây thất Thiền sư nhớ đến cảnh được nhà vua cung triều, hầu hạ quý kính, dâng cúng món ngon vật lạ so với cảnh thanh bần một hình một bóng lật rau, vo gạo tượng chao nơi chốn thâm sơn, lòng càng cảm thấy cô đơn tẻ lạnh.

Nào ngờ, vào một đêm trời đất mịt mù, sắp có mưa to gió lớn. Tây thất Thiền sư đang tham thiền mà hình bóng triều rùa cứ hiện lên, rồi bỗng thấy có một bóng người to lớn, nhanh vượt dài nhón lông lá đi thường từ trong núi ra, lần trèo qua những tảng đá, phá cửa chui vào tịnh thất của Đông thất Thiền sư. Tiếp theo đó Tây thất thiền sư nghe tiếng nghiêng răng trèo trèo, tiếng dầy dựa rên là tiếng xé thịt, tiếng nhai. Sau cùng, hình người dị kỳ đó ra khỏi tịnh thất, vừa đi vừa le lưỡi liếm hai bên mép, vừa lấy vật áo chui những vết máu vớ vấp mắt đỏ ngầu trông như đang muốn tìm kiếm một điều gì. Tây thất Thiền sư theo dõi bóng mờ ấy cho đến khi gần khuất dạng. Lòng dinh ninh là bạn đồng hành đã bị con quỷ sống ấy ăn rồi, nên định chờ bóng quỷ khuất dạng, Tây thất thiền sư sẽ làm qua đông thất để thăm, cho rõ thật hư.

Nhưng ý định đó chưa thực hiện, thì hình bóng kỳ dị kia liền quay lại xâm xâm tiến đến tịnh thất của ông. Tây thất Thiền sư hoảng hốt vội vàng mở cửa sau bỏ chạy. Hình bóng ác quái kia vẫn đuổi nấp theo sau trong đêm tâm tối, băng qua đoạn đường đầy chông gai, Tây thất Thiền sư còn phải lội qua con sông gập ghềnh hiểm trở. Nhìn ngoài lại bên kia bờ, Thiền sư còn thấy con quỷ đang gào thét vang dội cả núi rừng, trương cò muốn vượt qua sông để đuổi theo. Trời bắt đầu mưa như đổ nước. Nhờ cơ hội này, Thiền sư băng rừng cắm đầu chạy dưới ánh chớp lấp lờ từ khung trời đen chiều xuống. Chạy được một khoảng rừng xa, lắng tai nghe phía sau không còn tiếng động. Người Thiền sư bây giờ đã thấm lạnh mướt mồ hôi. Liên ngay trước mặt một ngôi nhà cỏ nguy nga lù lù hiện ra, Thiền sư tạt vào tạm ẩn dưới hiên. Trời vẫn mịt mù, mưa vẫn đổ nước xối xả, Thiền sư ngồi co ro, bỗng thấy hai bóng người vác hai bao bố nặng nề từ trong nhà đi ra. Thiền sư tự nghĩ, nếu ta ngồi ở đây lâu, e chốc nữa người nhà hay được mắt cửa, ta sẽ không tránh khỏi họa. Nghĩ vậy Thiền sư đứng dậy cầm đầu chạy trong giồng tổ mịt mù. Chẳng may, sau đó Thiền sư bị rơi xuống một giếng hoang, khi tỉnh lại mới biết mình đã bị rơi hằm, ông chạm phải một vật mềm mềm nằm kề bên mình. Và cuối cùng xách lên mở xem mới biết đó là một cái đầu tóc.

đai của người đàn bà đã bị rơi khỏi cổ. Kinh khủng quá Thiền sư lần mò để tìm đường lên, nhưng đã bao lần điều thất vọng, lại thêm một xác người không đầu cứng đờ nằm bện chân. Cảnh tượng kinh hoàng ấy làm Thiền sư kinh hãi vô ngần.

Trời vừa tờ mờ sáng, tiếng chân của từng đoàn người đi thỉnh thịch bên trên mỗi lúc một gần. Không bao lâu, đoàn người đứng trên thành giềng tri hô lên: « Đây rồi, nó đây rồi! » Họ liền bu lại thả dây xuống, thiền sư nương theo giây thang leo lên. Trong bộ y phục đạo sĩ rách tả tơi, đầy những vết máu lẫn cát bụi. Bốn người xuống giềng đem thi hài tiểu thơ lên. Thiền sư lấy làm kinh ngạc trước cảnh lạ lùng ấy. Sau đó, Thiền sư bị triệu lên quan và bị buộc tội sát nhân, lãnh án ngồi tù.

— Nhưng hai bóng người vác bao là ai ?

— Và ngôi nhà cô nguy nga của ai ?

— Ngôi nhà cổ của người triệu phú. Ông triệu phú này, vợ đã chết từ lâu, Trong nhà có một người vú già nuôi nấng tiểu thơ. Tiểu thơ đến tuổi khôn lớn, đã thăm thương một thử sinh làng kế cận. Bà vú già là người được hai tâm hồn trẻ tin cậy, nên đã mang nhiều bức thư tâm tình trao đổi cho nhau. Hai hồn trẻ đã hoà nhau khấn khít, nhưng sự chênh lệch giàu nghèo giữa hai gia đình làm cho đôi trẻ không thể nào chánh thức tiến đến việc hôn nhân. Trước hoàn cảnh đó, một hôm, tiểu thơ viết thư hẹn với thử sinh, đến mười hai giờ đêm, một người thân tín và anh cùng đến đây vác hai bao bố của em để sẵn. Một bao thì trong đó có em, còn bao khác là tiền của vàng bạc để bảo đảm đời sống đôi ta. Trên đường mang thư đi, người vú già ghé qua thăm nhà. Đưa con trai của bà lên đỡ thư ra xem rồi than thở với mẹ: « Mẹ con chúng ta đã khổ cực quá nhiều. Chẳng lẽ mẹ cứ để cho con khổ thế này mãi hay sao ? Nếu mẹ thương con, con xin mẹ một điều: — Khi thử sinh trả lời thư, xin mẹ đem thư đó về đây con xem thử, rồi sau đó mẹ sẽ đem về cho tiểu thơ. Được vậy không bao lâu, mẹ con ta sẽ được của cải giàu sang sung sướng ». Bà vú già vì quá thương con, nên đã làm theo. Người con trai của bà xem thư và sửa lại mười hai giờ, thành ra mười một giờ rồi niêm lại như cũ. Bà vú thăm nhiên đem thư về cho tiểu thơ rất mừng.

rõ và sửa soạn thực hiện như ẹn. Đến mười một giờ đêm, con trai bà vú đến vác hai bao bố đi. Nằm trong bao bố, tiểu thư lòng cảm thấy sung sướng, vì nguyện ước mình đã được thực hiện. Lòng vừa sợ thưng một vừa ngộp trong bao, nên bảo dừng lại và mở ra để cùng đi bên nhau, tâm sự. Khi được mở ra, trời vừa chợp, tiểu thư nhìn mặt không phải là ý trung nhân của mình, nên la lên. Liền sau đó một nhát dao đoạn cuộc đời cô và thi hài bị ném xuống giếng hoang. Còn bao vàng kia đã giúp cho con bà vú già trở nên giàu có, anh ta cưới vợ, tậu trâu bò ruộng đất. Nhưng sau đó chẳng bao lâu, anh ta cờ bạc suốt ngày đêm. Cho đến một ngày kia sự nghiệp khánh tận ; chỉ còn cái trâm tuyệt mỹ mà anh lấy được trong bao bố cùng đem đi đánh bạc thua sạch.

(Hôm sau, người thợ gái đi chợ thấy cây trâm đẹp, nên mua đem về dâng cho ông triệu phú. Sau khi xem kỹ cây trâm, ông triệu phú giật mình bất tỉnh, và chính là cây trâm này năm xưa tự tay ông đã đi khắc chữ và trao cho vợ làm vật kỷ niệm buổi đầu chung sống với nhau. Khi vợ ông qua đời còn có lời dặn lại là cây trâm này phải được trao lại cho người con gái độc nhất. Bao nhiêu hình ảnh và kỷ niệm của thời hạnh phúc dĩ vãng cứ trùng điệp hiện về trong trí óc làm cho ông triệu phú đau đớn, đập mình bất tỉnh. Sau khi tỉnh lại, ông triệu phú tìm phăng đến người đem cây trâm ra chợ bán. Kết quả người con trai vú già tự thú nhận mọi hành động và sự việc xảy ra trước mặt quan tòa, chính mình là thủ phạm.

Đã bị ba năm đầy đọa nơi chốn lao tù, Tây thất Thiền sư nay mới được giải oan về núi. Càng ngạc nhiên, khi thấy Đông thất thiền sư trong dáng điệu đượm đầy về thiền vị giải thoát. Tây thất Thiền sư kể lẽ sự tình, tường tận mình đã sang thế giới khác, không ngờ nay lại đạo cao đức cả. Đông Thất thiền sư an ủi trả lời : « Tôi vẫn là tôi » : Sau đêm giống tổ, tôi cố tìm Ngài nhưng tuyệt vô âm tín. tưởng đã tuyệt mạng hay thối tâm ! Nhưng nay mới rõ Ngài chỉ vì thất niệm mà phải đầy đọa xác thể. chậm trễ sự tu hành, nguy đến tánh mạng như thế, lại còn liên lụy đến những người khác phải chịu nỗi khổ đau, tù đầy, mất mạng. Quả một phút vọng niệm đã làm tan tành một đời hành đạo vậy thay.

dại đức THÍCH ĐỨC NIỆM

Tiếng tâm linh (2)

Đấng siêu thoát ai về qua cõi Phật
Chợt nghe hồn Tò Quốc gọi lâm nguy
Nhân sinh kêu đội khắp nẻo kinh kỳ
Người đức hạnh hãy duy linh thiện chí
Hiện sẵn có một uy quyền Chân Thiện Mỹ
Tiếng trầm hùng hướng ý nguyện đi lên
Xóa cho nhanh những ác biệt dị hờn
Muốn dân chủ ? Sớm cùng xây Đất Nước
Đạo với đạo giáo đồ không ô trược
Đoàn với đoàn thể lượng đại quang minh
Thanh lọc cho hàng ngũ ngát hương quỳnh
Cùng nhất loạt dựng tình thương lý tưởng !
Phân hơn nhau chí mình hùng cao thượng
Dầu cơ hàn rộng lượng chiếm ưu tiên
Ánh nhật quang rạng chói lấp ưu phiền
Lòng rộng mở, sợ gì ai ly cách !
Giữ uy danh cho lòng ta trong sạch
Chớ lấp nguồn suối chảy một giòng trong
Quả nhân gây. Lửa đỏ hóa sen hồng
Thoát nghiệp chướng, ta vào trong tự tại
Không tạo tác, dù nguy nan vướng phải
Vẫn có ngày chói lại sắc Anh Hoa

HƯƠNG NGUYỄN

thiên đàng ở đâu?

THIẾU-SƠN

Một phi hành gia không gian Mỹ, thiếu tá Carpenter khi sắp được đẩy lên không gian đã nói: « Ngày đó là ngày tối đại của đời tôi. Tôi nhớ lại khi cha tôi sắp chết, ông đã nói với vị lương y của ông rằng: « Rồi đây tôi sẽ biết sự bí mật tối đại. Ngồi trên đỉnh hỏa tiễn Atlas hôm nay tôi cũng có cảm tưởng rằng tôi sẽ khám phá được sự bí mật tối đại. »

Một thế hệ trôi qua mà con người đã bỏ nhau xa lắc.

Người cha phải chờ tới phút chót của đời mình mới dám nghĩ rằng mình sẽ khám phá được cái bí mật ở thế giới bên kia. Nhưng người con ngay từ hồi còn niên tráng lực cường đã được tìm hiểu cái bí mật tối đại của loài người. Người cha đi rồi đi luôn mà chưa chắc đã thấy gì ở thế giới bên kia. Những cảnh địa ngục âm u, những cảnh thiên đàng rực rỡ, những quỷ sứ, và tiên nữ được tưởng tượng hoặc vì có mê tín dị đoan thái quá mà có khi sai sự thật.

Trước đây 2000 năm Chúa là một người tiên giác, đã có những tư tưởng tiến bộ mà người đồng thời không thể dung nạp được nên đã phải giết Chúa một cách dã man và oan uổng vô cùng.

Nhưng trong 2000 năm nay loài người đã tiến bộ rất nhiều, đã làm nhiều cuộc cách mạng trong mọi địa hạt tư tưởng, khoa học, chính trị và xã hội.

Nếu Chúa tái sinh chắc cũng phải nhìn nhận như vậy và sẽ có những nhơn sanh quan, vũ trụ quan khác trước nhiều.

Bây giờ người ta có cách thoát khỏi áp lực của địa cầu, người ta không nhút nhát phải bám sát và mặt đất và có thể bay bổng tuyệt vời đề ngó xuống cõi trần thấp thỏm và nhỏ bé biết bao nhiêu. Người ta khám phá nguyệt cầu mà không thấy Hằng Nga. Người ta khám phá Đại dương mà không thấy Long vương cùng Thủy Điện.

Người ta xâm nhập Thượng giới mà không thấy Tiên nữ với Thiên Cung.

Những giấc mộng siêu phàm đã tan ra từng mảnh. Khoa học đã lấp mất nguồn thì. Những khoa học đã cũng, khai thông nguồn mới, Khoa học đã đưa người lên không gian để ta thấy sự phối hợp chặt chẽ giữa thể xác và linh hồn. Xác thịt nay hết còn là ngục tối giam hãm linh hồn. Trái lại chính nó là căn cứ duy nhất của linh hồn và nó đã phục vụ linh hồn với tất cả những khả năng của nó. Thể xác tiêu tằm thì cũng hết nơi trú ẩn, không có thiên đàng mà lên, không có địa ngục mà xuống.

Chúa thấy người giàu tham lam đề tiện, bạc ác bất nhơn.

Chúa lại thấy người nghèo thiếu ăn, thiếu mặc, lâm than, khổ cực.

Chúa nói bọn nhà giàu lên Thiên đàng cũng khó như cón lạc đà phải chun qua một lỗ kim. Và có những kẻ đem tiền của ra bố thí để chia sớt cho dân nghèo, họ làm cho họ nghèo đi một chút để được lên Thiên Đàng. Nhưng số người đó rất ít. Phần nhiều họ rất mê Thiên Đàng nhưng lòng tham mù quáng làm cho ngày giờ của họ ở

thế gian chỉ đủ để cho họ vơ vét và bóc lột nên họ vẫn không lên được Thiên Đàng mà phải sa xuống địa ngục.

Còn nhà nghèo tin chắc rằng mình sẽ được lên Thiên Đàng nên cần ráng chịu đựng, chẳng cố gắng làm giàu làm có làm chi và cố nhiên vẫn sẵn sàng để cho bọn nhà giàu bóc lột.

Nghe lời Chúa có lẽ bọn nhà giàu cũng bớt được phần nào sự tham lam và độc ác của họ nhưng bọn nhà nghèo thì nhút nhát không cần tranh đấu để ngăn chặn bàn tay bóc lột của bọn trọc phú bất lương.

Do đó mà dân nghèo cứ chịu sống trong địa ngục ở nhân gian để chờ ngày lên thiên đàng không hưởng.

Và cũng do đó mà dân giàu cứ mặc tình phè phỡn trong thiên đàng ở dương thế mặc dầu thỉnh thoảng cũng bố thí gọi là đề chuộc tội và lâu lâu sám hối để nếu có xuống địa ngục thì cũng có một số trường hợp giảm khinh.

Nhưng ánh sáng khoa học đã cho người ta thấy không có địa ngục và Thiên Đàng ở bên kia thế giới thì tất cả cố gắng của loài người đều cần phải tập trung để phá bớt những địa ngục ở nhân gian để tạo nên nhiều thiên đàng ở hạ giới.

Đạo Phật và đạo Chúa, giáo lý tuy khác nhau nhưng rất gần nhau ở một điểm là tình thương. Chúa thương bao la nên chủ trương bác ái. Phật nhân từ đối với cả người lẫn vật nên giữ đạo Từ Bi.

Có người đã nói : *«Nói đoàn kết thì chỉ có hai người đoàn kết với nhau một cách rất dễ dàng là Chúa và Phật vì cả hai đều không ai biết ghét mà chỉ biết thương.»*

Nhưng con Chúa và con Phật đều biết ghét và biết thương. Mà bởi họ phải sống trong thế tục nên có nhiều lý do cho họ ghét nhau hơn là thương nhau.

Họ ghét nhau rồi họ kiếm những lý lẽ để chống bán lẫn nhau. Lý lẽ dòi hết, họ đem lý lẽ đạo, lấy trong Thánh kinh Thánh, lấy trong sách Phật, không lấy những chỗ giống nhau mà chỉ lấy những chỗ khác nhau.

Do đó mà rất khó đoàn kết giữa đạo này với đạo khác. Không những không đoàn kết mà còn tranh dành ảnh hưởng lẫn nhau, phẩy báng lẫn nhau. Đó là một sự thật đau lòng nhưng vẫn là một sự thật.

Phải nhìn nhận rằng bên Thiên Chúa Giáo có cả một tổ chức chắc chắn, bắt hệ thống từ Tòa Thánh Vatican tới khắp hết mọi nơi trên Thế giới.

Do đó mà việc truyền giáo được tiến hành mạnh mẽ do sự ủng hộ của chánh quyền thực dân người da trắng. Nhưng cũng do đó mà những người theo đạo khác có thành kiến cho rằng Thiên Chúa Giáo thường là đồng minh của những đạo bình viễn chính, là tôn giáo của kẻ mạnh.

Nhưng thế giới đã đổi thay bộn bề, những thuộc địa đã lần hồi giải phóng, loài người càng ngày càng tiến tới bình đẳng, thì tôn giáo cũng không thể giữ mãi sự chính lịch như xưa. Và do đó mới có những cộng đồng Vatican và sản xuất ra được hai vị Giáo Hoàng tiến bộ nhất trong lịch sử Giáo Hội và Giáo Hoàng Jean XXIII và Giáo Hoàng Paul VI.

xXx

Thật ra cách đây trên một trăm năm đã có một vị Linh mục viết sách nói về những sai lầm của Giáo Hội. Đó là Linh mục Rosmini và sách của ngài nhan đề «*Năm vết thương của Giáo Hội*». Trong năm vết thương có hai vết như sau :

- 1.- Giáo Hội quá lệ thuộc vào các lực lượng thế tục.
- 2.- Sự nô lệ về mặt chánh trị mà Giáo Hội phải chịu bởi chủ nghĩa và tài sản của Giáo Hội.

Nhưng Giáo Hội không chịu nhìn nhận sự thật nên đã cấm không cho lưu hành sách đó.

Mới đây lệnh cấm đã được thu hồi và như thế là Tòa Thánh đã nhìn nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa sai.

Cử chỉ đó đẹp đẽ và tiến bộ vô cùng.

Thế là những hàng rào ngăn cách đã chánh thức được bãi bỏ. Và có như vậy mới có thể thực hiện sự đoàn kết tôn giáo để vận động cho hòa bình mau trở lại ở Việt Nam.

Người Phật tử và Giáo dân có thể bắt tay nhau trên đề lập trường hoàn toàn bình đẳng, không có những mặc cảm tự tôn và tự ti, không cậy thế, cậy thân và nhút nhút điều chỉ tin cậy ở sự tranh đấu của dân tộc và ở sự ủng hộ rộng lớn của nhân dân thế giới.

Tất cả đều tập trung lực lượng để đánh tan những cơn mưa bom đạn, những ngọn lửa chiến tranh làm đúng theo ý muốn của Phật và của Chúa.

Nhưng hết chiến tranh cũng chưa thật sự có hòa bình nếu xã hội còn duy trì những bất công vô đạo còn có kẻ mạnh hiếp yếu, kẻ giàu hiếp nghèo còn có người bóc lột người.

Muốn vậy thì tất cả chúng ta đều phải tạo lập ngay ở thế gian này một cảnh thiên đàng thay thế cho địa ngục. Cảnh thiên đàng ở bên kia thế giới chưa ai tìm ra, cả những người đã chết đi mà không sống lại, cả những người đã thám hiểm không gian đã trở thấy về. Như vậy thì tại sao mà ta không kiến thiết ngay ở hạ giới này một cảnh thiên đàng mà ở trong đó người nghèo có cơm ăn áo mặc, mà người giàu không bóc lột tham lam mà hết thấy đều không tương nhau như anh em ruột thịt? Hơn nữa trong thiên đàng của ta còn có tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng, không bắt buộc ai phải bỏ Chúa mà theo Phật hay phải bỏ Phật mà thờ Chúa. Cũng không bắt buộc ai phải tin là có Trời hay không có trời vì tất cả chúng ta đều có một ông Trời chung là Trời của tình thương của Từ bi và bác ái.



L ầ u m ơ

LÊ-THU

Chiến Tranh ơi !

Xin mi vùng đôi cánh

Bay về trời

Cho máu lệ ngừng rơi

Cho thân «Mẹ» gắn liền xương Bến Hải

Mười năm ngoài đành chịu đứt lìa hai

oOo

Lạy mi

Ta cúi đầu khẩn nguyện

Lạy mi !

Mi hãy dứt phăng đi niềm tri kỷ

Với loài man rợ diệt tình thương

oOo

Ồ ! trông kia !

Đôi cánh loé ngọc vàng

Tung mây gió hướng dâng lên Thượng Đế

Cám ơn nhé !

Chiến tranh ơi ! Chào vĩnh biệt !!!

Hàng Gòn, đêm 22-8

LÊ-THU

ĐỌC CHUYỆN XƯA, TÌM HIỂU CỎ NHÂN:

Minh Oan Cho **Ngô Khởi**

Trong vụ «Sát thê cầu tương»

Ý kiến của NGUYỄN-QUANG

VĂN HÓA Đông Phương nói chung và luân lý VN nói riêng đều dạy con người nên lấy điều «quân thân, phụ tử, phu phụ» làm căn bản để cách mạng bản thân con người, cho ra con người khác hẳn con vật.

Và, Kitô giáo lại buộc giáo dân, trong tình nghĩa vợ chồng, nên chọn lựa, chứ không nên thay đổi vợ chồng, mới có thể làm đẹp ý Chúa.

Cho nên, đại gia đình Việt Nam, xưa kia, vì ba điều «quân thân, phụ tử, phu phụ» dù sao đi nữa, đã làm sáng danh nghĩa quốc gia Việt Nam trong 4.000 năm văn hiến, chứ quốc gia VN đâu phải là một quốc gia có nhiều sắc dân góp nhặt, đầu hôm sớm mai, lập quốc đâu.

ĐI VÀO CÂU CHUYỆN NGÔ KHỞI

Ngô Khởi, một võ tướng kiêm văn nhân học giả khét tiếng đời Chiến quốc Xuân thu, vì muốn làm tướng diệt Tề giúp Sở, đã đoạn

ình chần gởi giết chết vợ đi cho Sở vương tin lòng dạ trung thành của mình, qua lời giới thiệu của quan Đại thần Trương Nghi, nên thế nhân buổi ấy và hôm nay, xuyên qua lịch sử ngàn năm lưu lại, đã lên án gắt gao họ Ngô bạc tình.

Thật vậy, trong tuổi xanh, Ngô Khởi đã mang nặng chí lớn, muốn lập bề dờn non, nên hay rong chơi phóng đảng, bị Từ mẫu la rầy quá sá. Bỏ nhà, bỏ mẹ, bỏ cả quê hương xứ sở qua nước Sở, tìm thầy học tập, lo bề tiến thân.

Và, một hôm, sau khi hay tin buồn từ mẫu qua đời, ông chỉ ngựa mồi lên trời khóc ba tiếng, đưa vật áo lau ráo nước mắt, rồi lại tiếp tục học hành.

Thầy học của Khởi thấy như vậy đã ngờ lời kiêu thảo rằng Khởi là đứa con bất hiếu và bạn hữu đều cũng đem lòng chê trách ông là người bất hiếu đạo dẫu, về sau làm nên vương hầu khanh tướng làm sao không khỏi thiên hạ phỉ nhổ !

Phó mặc thể gian chê bai, quyết chí chăm học, chẳng bao lâu, Ngô Khởi đã trở nên một nhà quân sự đại tài và văn học của ông đều được cả nước Tàu, lúc bấy giờ và ngày nay khâm phục hết chỗ nói.

Trong thời buổi ấy, sử Tàu nói, Tề vương sắp đem quân sang diệt nước Sở đề làm bá chủ thiên hạ, nên vua Sở, đem lòng lo sợ, mới hội trào hỏi các triều thần có kế chi hay giúp nước

Quan Đại thần Trương Nghi mới quỳ tâu rằng có, kẻ sĩ Ngô Khởi tình nguyện đem quân đi dẹp quân Tề nhưng, hiềm một nỗi Khởi đang có người vợ lại là người gốc nước Tề.

Nghe vậy, Sở vương liền cho vời Ngô Khởi vào, hỏi qua chiến

thuật chiến lược cầm binh, thì Khởi trả lời thông suốt, chẳng thua gì Tôn Vũ Tử, đã khiến nhà Vua đem lòng ưu ái.

Tuy nhiên, nhà Vua lại cho biết rằng, mặc dầu tài cầm binh thêm chiến của Ngô Khởi đã đến chỗ tuyệt luân vẫn chưa được Sở Vương tín nhiệm giao phó ba quân là vì, biết đâu, khi quá nghe lời vợ, sẽ có thể dễ cho địch xâm chiếm đất đai nước Sở.

Hiếu ý trên, Ngô Khởi liền trở về ngô lời vĩnh biệt người yêu, rồi rút gươm chém chết vợ ngay, đem đầu dâng cho Sở vương, nên Nhà Vua và cả triều thần cùng quan Đại thần. Trượng Nghi đều không chịu phong chức tướng cho Khởi cầm binh ra trận.

Về sau, quả thật Ngô Khởi đã đem vòng hoa chiến thắng về cho nước Sở, nên tên tuổi sự nghiệp khanh tướng của ông, vì thế đã vang lừng trong sách sử Tàu.

XƯA NAY CÓ AI NHƯ KHỞI ?

Con người Đông Phương hay người VN, sở dĩ có một nền văn hiến đặc sắc, đều nhờ luôn luôn làm tôi ngay với chúa, hiếu thảo với cha mẹ và trọn tình chồng vợ.

Nhưng, Ngô Khởi, sống trong cái lễ giáo ấy, đã bất hiếu với cha mẹ, lại còn vô chung vô thủy với người vợ chẵn gối, lẽ nào, lại được thế gian cựa ngời hay sao ?

Xưa nay, qua lịch sử cò kìm Đông Tây chưa có một người nào dù hạ cấp đi chăng nữa, đã phạm vào hai tội bất hiếu với cha mẹ và bạc tình vợ con như Ngô Khởi vậy.

Vụ « Sát thê cầu tướng » của họ Ngô, xem ra quả là một cử chỉ phi nhân đạo. Vì ngày xưa ai hiên ngang lưng lầy, ai bách chiến bách thắng cả Âu Châu cho bằng Đại đế Nã-Phá-Luân, sau khi thất trận ở

Waterloo, đã phải than rằng, vì lâu ngày không thấy mặt Joséphine— người vợ yêu quý xinh đẹp của Ngài — nên Ngài mới thua một trận cay đắng như thế ?

Và, nói mà nghe, xưa nay vẫn chưa có một ai quá đen bạc như Ngô Khởi, vì danh vì lợi, đã giết chết người vợ yêu quý, mặc dầu người vợ ấy là người khác giống đã sống với nhau một nhà, cũng nên nghĩa vợ chồng !

Nhưng, Ngô Khởi đã đi ngược lại tất cả ý kiến của thế nhân và luôn cả quan niệm xã hội nhân sinh của Khổng Tử qua Nho giáo.

Bà Chevalier, vợ ông Chevalier Bộ trưởng của chánh phủ Bidault nước Pháp đã căm sùng ngang nhiên bắn chết chồng. Vì ông Chevalier từ khi nên chồng nên vợ hay vắng nhà theo việc nước luôn luôn, để bà vợ thui thui một mình.

Chị Quờn ở nước ta, vì quá ghen, không chịu cho chồng lấy vợ bé và cũng bởi không chịu nổi sự thay lòng đổi dạ của anh Sĩ, đã dồ xăng đốt chết chồng, đều là những mẫu chuyện vụn vặt, đâu sánh bằng Ngô Khởi? Bởi ông này chỉ muốn làm người anh hùng không hề danh trong bốn bề, cho thế giới kinh ngạc.

Người anh hùng, theo quan niệm làm trai lập thân của họ Ngô, phải chăng là nên sớm nhẹ tình nhà để mang nặng tình nước non ?

Bởi xưa nay trong lịch sử cổ kim đã xảy ra lắm chuyện ngang trái, khiến cho người anh hùng, nửa đời hy sinh thân thể, lo giải phóng dân tộc khỏi cảnh lầm than, chỉ vì mê say vợ đẹp hầu non, đã đành tâm bán đứt « họa đồ đất nước quê hương » cho địch, để lấy tiền ngàn bạc triệu, tách xứ, sống với người yêu.

Những vụ gián điệp, quả những kẻ mỹ nhân, đã làm hỏng biết bao

nhiều thương sách cứu dân cứu nước của các văn [quan và tướng, trong thiên hạ từ Đông qua Tây ?

Do đó, người ta không lấy làm lạ, trong khi quân Pháp mang súng đồng qua đánh nước ta đã bắt mẹ của người anh hùng chài lưới Nguyễn trung Trực, để cho ông này vì lòng hiếu đạo phải mau lẹ trở về đầu hàng !

Ông Hoàng cao Khải, sau khi đầu Tây rồi, được vinh thân phì gia, lấy thế bạn học ngày xưa với người anh hùng Phan đình Phùng và hai người cũng là bạn đồng châu, đã biên thơ cho nữ nhân lên vào khu dự dỗ họ Phan nên sớm buông súng theo Tây.

Cụ Phan đình Phùng, không chịu nghe lời người «buôn dân bán nước ấy», đã biên thơ trả lời cho họ Hoàng, với nhiều lời lẽ đanh thép khiến mọi người VN thương nước, lúc ấy kể cả ngày nay và mai hậu đều hoang nghinh ca ngợi lòng ái quốc của họ Phan.

Và trong lịch sử khai quốc hay lịch sử vong quốc của nước ta cũng như lịch sử tranh đấu giải phóng của dân tộc VN đã có biết bao nhiêu vụ «vì tiền, vì tính» xảy ra, làm ngăn cản bước tiến của quốc gia dân tộc này ?

KHÍ PHÁCH CỦA NGƯỜI ANH HÙNG

Người anh hùng, xưa nay, không muốn làm kẻ gian hùng, đã luôn luôn nguyện với lòng mình rằng, thà chết giữa chiến trường lấy da ngựa bọc thây, chứ không chịu chết trên giường, thấy dân bà con trẻ.

Người anh hùng như thế mới rõ mặt anh hùng và, không hổ danh xấu nghĩa của hai chữ anh hùng ?

Ai lại có như Đồng Trác, chỉ vì Điều Thuyền, đủ toan sát hại Lo Bô, để cho miệng tiếng đời cười chê muôn thừa!

Nghĩ rằng, trong 3 điều « quân thần, phụ tử, phu phụ » , đạo vợ chồng lại nằm vào điều thứ ba của cả một nền văn hào Đông phương, và nền tảng gia đình VN, mặc dầu bị văn hoá Tây phương chế nhưng, gia đình VN đã « sản xuất » được nhiều nhân vật lừng danh yêu nước.

Trong vụ « Sát Thê Cầu Tướng » và chung quanh nó, nhân thế, xưa nay, phải chăng, đã lên án phê bình Ngô Khởi chỉ có một chiều mà chưa chịu đặt mình vào tiết khí kẻ anh hùng để luận anh hùng?

Lịch sử cận đại VN, khi Tây lấy mất nước rồi, với danh nghĩa vào làng Tây, đã có một số đông người VN vong bản căm sùng đánh lại đồng bào của mình phương chi khi có vợ đầm nhiều tiền, cao chức tước, lẽ nào, họ đều lại còn biết chi bà con cha mẹ sanh ra mình đâu!

Khi nghĩ về điều trên đây, người ta lại không khỏi không ca ngợi tinh thần yêu nước cao quý của các bậc anh hùng, chỉ vì lo đời sống cho dân tộc, đã không màng đến tình vợ con và có khi chẳng lấy vợ đó.

Quan đại thần Trương Nghi, đồng ý với Sở vương song, lại thắc mắc hoài nghi chưa tin tưởng mấy về chí khí anh hùng của họ Ngô không phải, là không có duyên cớ.

Vì xưa nay đã có nhiều vị anh hùng chí sĩ nguyện nhẹ tình nhà, nặng nợ nước song, nữa chừng, vì nghe theo lời nỉ non của người vợ đẹp, bỏ nước theo địch đã đánh lại nước mình hoặc không, lại bán hoa đồ về rõ nhưn, chỗ yếu lược để địch đem quân đánh

Nhắc lại sau khi chém chết vợ rồi Ngô Khởi đem đầu lâu người vợ trở lại bệ kiến được nhà vua phong làm tướng, đem quân phạt được quân Tề. Quan đại thần Trương Nghi mới bật ngựa ra lại hại

lệnh coi thử dân chúng trong nước rằng, trong 10 hôm hay, đem cho ông 10 cái đầu đàn bà, sẽ được trọng thưởng.

Quá 10 hôm và đến hôm thứ 15, Trương Nghi vẫn không thấy có ai đem đến cho ông một cái đầu đàn bà, thì ông lại trở ngược ra lệnh bao dân chúng, hãy rón trong 10 hôm đem, cho ông 10 cái đầu đàn ông sẽ được trọng thưởng. Nhưng, chưa đến ngày hạn chỉ mới có 5 ngày, ông đã nhận được 20 cái đầu đàn ông.

Như thế, ông đã làm tướng, phải chăng, quá to chỉ có đàn bà mới nhẹ dạ bạc tình, đang tâm giết chết đàn ông, chứ đàn ông chắc chắn không nỡ lòng nào lại giết chết đàn bà, để được danh được lợi?

Song, trong lúc nhàn rỗi, ngồi bên bờ suối, nhìn giòng nước chảy róc rách qua khe đá, Trương Nghi lại nhìn thấy trong hang, con cua cái đang lột vỏ, con cua đực lo canh giữ, quyết không cho một con cua đực nào khác bén măn vào đấy.

Và, khi con cua đực thay vỏ, con cua cái lại «ngoại tình» đem cua đực khác về hang cắn chết «cua chồng» đi, để dễ dàng theo trai ân ái!

Sự đời, trong thực tế, xưa nay, vẫn chưa bao giờ lại thấy có đàn ông đang tâm giết vợ nhà, nếu không muốn nói người đàn ông ấy là người đàn ông mất trí và dốt mọt.

Bằng vào những chuyện vua Edouart III bỏ ngôi báu theo người đẹp và Bá tước Windsor (Anh quốc), chỉ vì người đàn bà góa kẻ mê hoặc lòng Ngài, đã bỏ cả ngai vàng, đi với người yêu ở sống nước ngoài, để Hoàng gia Anh phải một phen kinh ngạc.

Tuy nhiên, câu chuyện đàn bà phá vỡ tên tuổi sự nghiệp đàn ông, hay các vĩ nhân anh hùng trên thế giới, vẫn chưa phải là câu chuyện tuyệt đối.

Vì người ta vẫn còn nhận thấy nhiều người đàn bà như chị Nguyễn thi Giang đã anh dũng giúp đảng trưởng Nguyễn Thái Học trong sự mạng kinh quốc, mặc dầu cuộc tranh đấu giải phóng dân tộc VN lúc ấy không thành.

oOo

Sau khi đưa ra trên đây những mẫu chuyện đời xưa đời nay về tâm hồn lòng dạ người đàn bà và đàn ông, cùng những ưu nhược điểm của họ đề luận về Ngô Khôi, thì người thiên hạ vẫn cho rằng vụ « sát thế của, tướng » của ông này là một « cử chỉ siêu nhân ».

Nhắc lại, sau hai mươi mấy năm lưu vong hải ngoại, nuôi dưỡng ý chí đem về giải phóng dân tộc VN, nữa chừng, vì danh vì lợi vì vợ đẹp con khôn, Nguyễn bá Trạc đã bỏ hết sự nghiệp cách mạng chạy về đầu Tây, phải chăng, là điều đáng chê trách?

Và câu chuyện Trần công Bác — một tay Hán gian phò trợ chánh phủ bù nhìn Uông tinh Vệ là người huyện Nam Hải thuộc tỉnh Quảng Đông nước Tàu, đã từng du học Hoa kỳ rất sớm.

Sau khi được Uông tinh Vệ tín nhiệm đề cử, họ Trần làm Trưởng bộ Thực nghiệp, rồi năm Trung Hoa Dân quốc thứ 24 (1935), họ Uông bị ám sát, trúng ba viên đạn, phải qua Nhật điều trị. Trần công Bác liền từ chức, đề lui về công tác Đảng cho thuận lòng dân.

Chiến tranh Hoa Nhật bùng nổ, Uông tinh Vệ bắt tay với Nhật, chuẩn bị công khai tở chức chánh phủ thân Nhật. Trần công Bác nghe tin này, đem lòng buồn bực, rồi lên về Hương Cảng dò xem tình hình và sau có ý không muốn gặp lại họ Uông nữa.

Năm Dân Quốc thứ 29 (1940) Uông tin Vệ tuyên bố trước thế giới thành lập chánh quyền Nam Kinh, lại có tên là Trần Công Bác trong bản danh sách với chức vụ Lập pháp Viện trưởng kiêm luôn Thị trưởng Thượng hải.

Trong lúc ấy, họ Trần đang có mặt tại Hương Cảng, vẫn im hơi lặng tiếng, giữ vững lập trường chống Nhật, không chịu chấp thuận «đường lối Hán gian của họ Ôông».

Thế rồi, chẳng biết ai chỉ vẽ cho biết rõ địa chỉ, Ôông tinh Vệ đánh điện về Hương Cảng mời họ Trần lại Nam Kinh tham chính khẩn khoản.

Trần Công Bác, sau khi nhận được điện tín, lòng ngậm ngùi không biết trước họa dân tộc diệt vong, liền đánh điện trả lời từ chối.

Nhưng, mấy hôm sau, Bích Quân vợ của Ôông tinh Vệ lại thân hành đến Hương Cảng gặp họ Trần và nữ non khóc lóc, kêu nài Trần công Bác hãy vui lòng về hợp tác với chồng Bà, để loại họ Tưởng ra khỏi lịch sử Trung Hoa.

Vì quá nề lời nặn nữ khóc lóc của người vợ bạn, Trần Công Bác đã chấp thuận lời này, để về sau phải mang lấy án tử hình, phải chăng, là điều bất thông thờ vạ,» khi gọi là con người trí thức cách mạng?

Con người trí thức cách mạng, đặt quyền lợi quốc gia dân tộc lên trên hết và, quyết kháng kháng giữ vững mãi điều này bên lòng mình, đầu tiên bạc danh vọng và người đẹp cám dỗ, vẫn không thêm mới gọi người anh hùng kính quốc, chứ đâu phải như họ Trần đã vội suy cạn nghĩ nông, thì còn gì là người anh hùng xuất chúng?

Khi nghĩ như thế và luận anh hùng như kia, người ta mới có thể minh oan cho Ngô Khởi trong vụ sát thế cầu tướng, là vì Khởi chỉ muốn làm người anh hùng, đúng danh đúng nghĩa của 2 chữ anh hùng.

Người anh hùng chí sĩ, khi đã nguyện một lời thề đem thân đền nợ nước, đâu thất bại keo nầy làm lại keo khác, thua ván cờ nầy đánh lại ván cờ khác, vẫn theo một đường hướng tiến mà thôi.

Túy rằng tình nghĩa nợ chồng vẫn quan trọng cho gia đình, chứ vẫn chưa còn mấy quan hệ bằng quốc gia dân tộc, khi con người muốn

làm anh hùng để danh không hổ với cỏ cây sông núi và tên tuổi sự nghiệp của mình đều không bị muôn đời chê trách.

Ngô Khởi chỉ muốn làm tướng dẹp giặc, đem thái bình thanh trị cho nước Sở, đã giết chết vợ là một điều nhỏ, để thù đoạt những thành quả lớn lao, tại sao, người đời lại lên án gắt gao họ Ngô, phải chăng là điều nguy hiểm, chỉ nghiêng về một chiều ?

Trong chuyện Kim Vân Kiều, chỉ vì quá nghe lời nàng Kiều, Từ Hải đã mang lụy vào thân. Và, Thống chế Pétain, vì quá vội vàng bắt với Hitler, trong khi phong trào kháng chiến của Degaulle đang phát động mạnh mẽ, đã bị quốc dân Pháp xử tội nhục nhã !

Qua những mẫu chuyện lịch sử Đông Tây cổ kim đem ra làm bằng chứng, lẽ nào, nhân thế lại còn mãi khư khư buộc tội Ngô Khởi là người bạc tình chèn gối, để quên mất cái nợ máu râu đứng trong trần thế của ông này ?

Giá thử, Nguyễn trung Trực người, anh hùng chài lưới sau, trận chiến thắng Nhứt Tảo, nghĩ rằng Từ mẫu già nua, sớm chiều sẽ mất. chứ khi « Bà Mẹ V.N » đã mất vào tay địch, quốc gia dân tộc V.N sẽ điều linh chắc chắn, khi ấy, người anh hùng này đã lập đầu công.

Vì vậy, người ta mới thân oan cho Ngô Khởi, trong vụ giết vợ để làm tướng, không phải, là một lập luận không vững chắc mà còn hợp lý lắm vậy :



Nhớ thầy

GIANG THU – MINH-TẤN

Ngồi đây nhớ đến thầy tôi
Nhớ vầng lửa đỏ, nhớ nơi thầy ngồi
Nhớ ngày đi vắng xa xôi
Thầy thương dân tộc, vào đời cứu nguy
Ngày nay đạo pháp suy vi
Bao người đã cướp lần đi của thầy
Hiện giờ con khóc thầy đây
Tồn vong đạo pháp nên thầy hy sinh
Đề cho những kẻ vì danh
Uống thêm xương máu dân lành thầy ơi
Ngồi đây con thấy chơi vơi
Như thầy giọt lệ tuôn rơi đầm đìa
Họ làm cột nhục phân chia
Bây giờ thầy ở bên kia liên - Đài
Nhớ thầy con tỏ cùng ai
Cho vơi bớt nỗi u hoài lòng con
Tạo văn thơ với ý non
Xin thầy cứu độ tâm hồn con vơi..

HỌC TRÒ VIỆT-NAM TRONG LỊCH SỬ CÁCH MẠNG

ĐÔNG-TÙNG

Một nhà cách mạng Hung-Gia-Lợi vào cuối thế kỷ 17 có nói : « Muốn biết tương lai một dân tộc nào hãy nhìn thẳng vào đám học trò của họ ».

Một giáo sư người Pháp ở xứ Lo-ren, khi xứ này còn nội thuộc Đức, có nói với học trò ở xứ ấy : « Xứ Lo-ren nay khi nào lại được trở về với nước Pháp, điều đó còn trông đợi ở các em ».

Xét lại lịch sử cách mạng VN 80 năm chống Pháp cho mãi tới

nay, người học trò Việt Nam, kể cả học trò bút lông và học trò bút sắt, đã đóng góp một phần không nhỏ.

Với một số tài liệu chưa có gì là đầy đủ cộng với những sự việc trong ký ức hữu hạn của chúng tôi xin kể lại một số làm điển hình để chứng minh lời nói Cụ Khổng : « Hậu sinh khả úy ».

I. HỌC TRÒ BÚT LÔNG

A. HỌC TRÒ TRƯỜNG BÌNH-ĐỊNH PHÁ TRƯỜNG THI

Năm Ất Dậu (1885) đúng vào

giữa năm có khoa thi (lệ thi của Việt Nam vào 4 năm này: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu)

Ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu trong khi học trò 4 tỉnh Phú Yên, Bình Định, Khánh Hòa, Ninh Thuận đang làm bài thi tại trường Hương thí Bình Định, thì được tin cuộc tổng phản công quân đội Pháp ở Huế, do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết chủ trương thất bại, biến thành ngày thất thủ kinh đô, vua Hàm Nghi xuất bôn

Được tin quốc biến ấy, trên 2.000 học trò, cùng một loạt vật bút giấy, xé bài thi, xô đổ lều chông phá cửa trường ra cầm dao mác, gậy gộc, gia nhập nghĩa quân nghĩa dân lên đường chống giặc cứu nước ở mấy tỉnh hạt này.

B. HỌC TRÒ TRƯỜNG THI NGHỆ, TỈNH KHÔNG CHỊU DÙNG NIÊN HIỆU ĐỒNG KHÁNH

Sau cuộc tổng phản công ngày

23-5 năm Ất Dậu thất bại, vua Hàm Nghi bôn đào ra vùng Quảng bình và Hà Tĩnh, thực dân Pháp và đám người hèn nhát đầu hàng Nguyễn triều mang Đồng Khánh ra lập làm bù nhìn ở Huế (Hàm Nghi nguyên niên bị đày lại làm Đồng Khánh, nguyên niên)

Sau đó 4 năm, tới khoa thi Hương Mậu Tý (1888) hai tỉnh Nghệ Tĩnh thi chung một trường ở Vinh, sĩ số có 3.600 người. Trong tất cả các quyền thi, khi viết tới Hoàng hiệu (hiệu vua) họ đều viết «Hàm Nghi tứ niên» (vua Hàm Nghi năm thứ tư.) ?

Ban Giám khảo do triều đình Huế phái khiến ra thấy thế đâm hoảng sợ, gọi họ lên hỏi, nhưng tất cả sĩ tử Nghệ Tĩnh đều đồng thanh trả lời: Chúng tôi chỉ biết đức Hàm Nghi là vị vua chính thống của Việt Nam, còn Đồng Khánh là của nước Pháp, vì dơ Pháp lập ra.

Trước áp lực số đông, với khí thế bừng bừng chính nghĩa, bon

giám khảo phải nhấm mắt cho thông
qua câu chuyện này.

C. MỘT CẬU TÔN BỊ ĐÁ TÉ NGŨA

Khoa thi hội năm Bính Tuất
(1886) trong khi phong trào Cần
Vương khởi nghĩa dưới sự chỉ huy
của nhà cách mạng Phan đình
Phùng đang dâng cao ở vùng Nghệ
Tĩnh.

Khoa thi Hội ấy người Nghệ
Tĩnh đậu : 1 Hoàng giáp, 3 Tiến sĩ
2 Phó bảng, chiếm tỷ số cao nhất
toàn quốc.

Trong bữa tiệc do một vị đại
thần khoản đãi các ông Nghè tân
khoa. Một cậu tôn người hoàng tộc
cao hứng nói : « Người Nghệ Tĩnh
các anh thì học hành giỏi lắm, chỉ
có tội hay làm giặc » Một ông nghệ
tân khoa người Nghệ đỏ mặt, tức
thì đá cậu tôn một đá té ngựa,
miệng nói : Tao phải đá cho mày
một đá, cho phá cục ngu mày ra,
nếu lư hương, một chủ nhà mày

mà không bị Tây xô đổ, thì việc
choa phải làm giặc !

II. HỌC TRÒ BÚT SẮT

A. ĐÒI ÂN XÁ PHAN SÀO NAM VÀ TRUY ĐIỀU PHAN TÂY H

Sào Nam Phan bội Châu là m
nhà đại cách mạng Việt Nam v
thời kỳ cận đại.

Năm 1925, Cụ bị hai tên t
cầu của Pháp là Nguyễn thượ
Huyền và Trần quý Đức đón bắt
nhà ga Bắc trạm (Thượng hải) Ph
định đem về Đông dương thi hà
bản án tử hình đã kết từ trước.

Thế rồi tất cả sinh viên, h
sinh nam nữ từ Bắc, Trung, Na
nổi dậy biểu tình đòi ân xá, cu
nổi dậy này được các giới đồng b
hưởng ứng nhiệt liệt, buộc bọn Ph
ở Đông dương phải chùn tay.

Tiếp đó ngày 24-6-1926 tức
ngày 10-2 năm Bính dần, Cụ Ph
chu Trình trút hơi thở cuối cùn
ở nhà thương Chợ Quán (Sài Gòn)

Đề tiếp tục cho phong trào trên, nam nữ sinh viên, học sinh từ Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Huế, Saigon, tổ chức truy điệu và đề tang, gây một bão trào phi thường hùng tráng. Ở hai cuộc trên, các nhà viết sử cách mạng VN gọi chung là «Phong trào đòi ân xá Phan Sào Nam và truy điệu Phan Tây Hồ».

HỌC TRÒ HUẾ VỚI CỤ PHAN SÀO NAM

Thực dân Pháp không giết bị cụ Phan, chúng hòng thay đổi chiến lược bằng cách lợi dụng Cụ. Chiến lược gia của Pháp là hai tay mật thám là Marty, Tổng Giám đốc Liên Phòng Đông Dương, Sognit Giám đốc Liên Phóng Trung ở Huế.

Thế rồi Sognit mang C. Phan ở Huế, dùng danh nghĩa Tòa Khâm chánh phủ Nam triều mời cụ Phan nhận một trong ba chức vụ: Viện trưởng Viện Dân biểu Trung, 2 cố vấn Tối cao của Triều

đình Huế. 3 Thượng thư Bộ Học. Nhưng cả 3 đều bị cụ Phan từ khước.

Trong khi đó, theo lệnh của Sognit, Nguyễn Bá Trắc, Thị lang Bộ Hộ, là một đồng chí cũ của Cụ Phan ở Nhật, nhưng đã về đầu thú rồi làm quan với Pháp, lấy tình đồng chí cũ mời Cụ Phan về ở trong Bộ với mình.

Được tin trên, tất cả học sinh nam nữ ở Huế kéo tới Bộ Hộ đòi cho bằng được Cụ Phan phải ra khỏi Bộ Hộ tức khắc. Thế là Cụ Phan thoát nạn.

C. VỤ TỔNG TRUYỀN ĐƠN NGÀY 10-10-1927

Nguyên hồi đó cách mạng VN ở Tàu, có một lực lượng đáng kể đứng đầu là «Việt Nam cách mạng Thanh niên đồng chí» và một nhóm thanh niên ở trường võ bị Hoàng Phố.

Đề tạo điều kiện ngoại giao

với chính phủ Tàu trong việc phá hoại cách mạng Việt Nam bên đó, Marty, lại cũng Marty bỏ ra một số tiền thuê tụi lâu la đảng điểm, nguy tạo ra một chiến dịch tẩy chay hàng hóa Tàu, cùng các tiệm buôn Hoa kiều trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Chúng lại còn gây những cuộc ẩu đả giữa người Tàu và người Việt.

Ngày 10-10-1927 đúng vào ngày kỷ niệm song thập Trung Hoa, Sinh viên, Học sinh toàn cõi VN tổ chức một cuộc tổng truyền đơn vạch rõ âm mưu đen tối, ly gián thâm độc của bọn Pháp. Và đúng 12 giờ trưa ngày hôm đó, tất cả những hiệu buôn Hoa kiều trên đất VN đều nhận được một bức thư của những cậu học sinh lạ mặt mang tới, nội dung cũng chỉ câu chuyện trên.

Thế là gian kế Marty bị phá vỡ

D. VAI TRÒ SINH VIÊN, HỌC SINH TRONG CAO TRÀO

DÂN CHÚNG NĂM 1930

Cao trào chống Pháp của quần đội quân chúng nhân dân Việt Nam vào khoảng 1930 tuy thuộc toàn dân. Nhưng người học sinh cũng không hề thiếu mặt trong phong trào đó.

Song song với những cuộc biểu tình của nông dân, bãi công của thợ thuyền thì ở những trường học khắp toàn cõi Việt Nam cũng nổi đuôi nhau nở ra những cuộc bãi khóa kịch liệt, hách trặc nhất là trường Quốc học Vinh, thậm chí tên « Lơ-bờ-rơ tông » người Pháp làm hiệu trưởng trường này, phải phát diên mà nói : « Tụi học trò làm giặc »

Cuộc biểu tình vĩ đại kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1930 ở Saigon, điển giả, đã bắn chết tên thanh tra mật thám Pháp ở đầu đường Hàm Nghi bấy giờ là Lý tự Trọng, một học sinh mới 18 tuổi vừa ở ngoại quốc về và lặn lội anh

hiện mình cho tổ quốc.

Trò Trọng là người đi trước của
Bích (1937), trò Ôn (1950)
Quách thị Trang (1963)

NGƯỜI HỌC TRÒ VIỆT NAM TRONG CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ 9 NĂM KHÁNG CHIẾN

Ai cũng biết cuộc cách mạng
tháng 8-1945 là thuộc toàn dân,
ứng người học trò cũng đã đóng
p vào một phần không nhỏ. Ủy
n tổng khởi nghĩa trung ương
kỳ, tỉnh, huyện, tổng, xã, làng
ông nơi nào, cấp nào thiếu mặt
a giới này. Và cho tới 9 năm
ang chiến chống Pháp, từ bùng
n tới nội thành, không nơi đâu
không có bàn tay họ.

VAI TRÒ SINH VIÊN, HỌC SINH, TRONG PHONG TRÀO CHỐNG NHU DIỆM

Ngày 8-5-1963 ngày sống

Hương dậy sóng, núi Ngự mù mịt,
nở ra phong trào chống Diệm ở
Huế, trước hết là 8 em học sinh
chưa ai quá 20 tuổi, đã bỏ mình
trước bạo quyền ở đài phát thanh
Huế, tiếp đó anh chị em sinh viên
học sinh khắp nơi cả nước nổi dậy
tiếp tục chống bạo quyền Diệm và
những bạo quyền kế tiếp, cho mãi
tới ngày hôm nay, con đường đấu
tranh ấy vẫn chưa tới đích...

KẾT LUẬN

Hiện nay dân tộc Việt Nam
đang bị một cuộc chiến tranh khốc
liệt chưa từng có trong lịch sử với
4 trăm ngàn quân ngoại quốc, nhân
dân VN kẻ cả hai miền đang bị
chết chóc hàng ngày.

Đứng trước một tình trạng
quốc gia dân tộc đang như thế,
anh chị em sinh viên, học sinh nghĩ
gì? Liệu chừng có nên vì lẽ này
hay lẽ khác, vì chủ nghĩa này hay
một chủ nghĩa kia, vì tôn giáo này
hay tôn giáo khác, vì màu sắc chính

trị này hay màu sắc chính trị kia, vì nhóm này hay nhóm khác, mà trở lại cừu thi nhau, tranh dành nhau phá phách lẫn nhau, làm cho hàng ngũ người học trò VN ngày càng lỏng lẻo tan rã.

Vì làm như thế, các bạn sẽ

mang tội lỗi với lịch sử, với Tổ quốc, với các cụ tiền bối học trò bút lông cũng như các đàn anh nắm bút sắt, đã từng điểm tô bao vẻ đẹp lẫm lừng trong trang Việt sử./.

ĐÔNG TÙNG

đừng biến chúng thành những giọt máu hôi tanh

Viết gửi Bồn Trĩ
ghi một chân tình

Je parcours Les points de L'immense étendue
Et je dis : "Nulle part le bonheur ne m'attend"
(LAMARTINE)

1

Có những con người sanh ra mà không được yêu
Có những con người chết đi mà không được khóc
Tình thương và những tấm lòng, phải chăng chỉ là nước
dòng chảy đến biển cô liêu
Hãy trở về ngày tận diệt thành SODOMA
Hãy nhỏ xuống bằng đôi dòng lệ ở niềm thương yêu bất
diệt của dân tộc Do Thái trong lòng thánh JÉHOVAH

2

Ôi—to hãy cúi mình hèn vào dấu vết của bậc pháp vương
vĩ đại nơi thành CA-TY-LA-VI
Và đập nát những bất công—những uơ hèn của những
giáo điều công lý

Ta từ chối một DARWIN (1)

Hay một VOLTAIRE

Ta phải vung tay thành khăn đót cháy ngày qua — tương
lai và những gì bại phản tình người

Hỡi niềm tin yêu hằng sống

Hỡi vị thánh thần vĩ đại

Ta xin quì thấp—thật thấp—để đón nhận một vì sao trong
sáng, một đóa hoa thơm nhụy

Ta dựng đứng thần tượng ấy lên ở lòng ta

Ta hòa hợp tình ta như tình ngài đã hòa hợp ở lòng ta

3

Xin đừng dập tắt ngọn đèn trong lòng người vô nẻo

— Hãy cứu nó như ngài đã cứu ngài

— Hãy thương nó như một con cừu con một mối

— Hãy thức tỉnh nó bằng những dòng sữa ngọt

Mà đừng biến chúng nó trở thành những giọt máu hôi
tanh trên một vũng lầy rơm róc

Đừng biến chúng trở thành những giọt máu hôi tanh trên

một vũng lầy rơm róc

THẾ LAN

(Gia định)

1) Darwin và Voltaire : là hai nhân vật vô thần cực phách

Viết-cho người chết

(Kính dâng Hương Linh Phật tử LPX)

Xuân ơi! Tại sao anh chết ?

Nghe Định báo tin, tôi sững sốt, nghẹn ngào !

Hai bàn tay đang nắm lấy nhau, bỗng nhiên siết mạnh, bóp chặt hơn, chúng tôi sợ cũng như anh không còn dịp bắt tay nhau nữa!

Lúc đó, tôi không đủ bình tĩnh để phân tích tâm trạng mình. Buồn ? Hận ? Tiếc ? Thương ? Có lẽ tất cả, bao nhiêu thứ ấy nó tách rời, kết hợp, chuyển động không ngừng, chẳng khác nào những hạt nhân nguyên tử.

Xuân ơi ! Tôi còn nhớ, có lần anh nói : "Sống phải tranh đấu. Nhất là chúng ta ngày nay, cần phải tranh đấu để bảo vệ Dân Tộc, Đạo Pháp

Nhưng Dân Tộc còn điêu linh, Đạo Pháp đang nghiêng gục và Tự Do chưa về nó vẫn bị người ta xích chặt trong bốn bức tường kiên cố của dinh thự nguy nga, sau lớp kẽm gai trơ trẽn, túi nhục mà anh lại vội ra đi trống âm thầm, tức tưởi ! Phải chăng anh chạy trốn bốn phật, trốn cuộc đời, trốn... ?

Không, anh không hèn nhát, Tôi biết anh hơn ai hết. Anh rất ham sống, muốn sống và thêm sống dầu sống trong khổ đau, cùng cực, làm thân, cay đắng, tai luôn nghe tiếng bom đạn hải hùng, mắt mãi nhìn cảnh máu xương kinh khiếp

Sống để mà tranh đấu, sống nhờ chút hy vọng tuy mong manh ngày tươi sáng, thanh bình sẽ trở về trên quê Mẹ. Dân Việt Nam ai mà không mơ ước điều đó, nhất là thế hệ của chúng ta sinh ra trong khối lửa, lớn lên giữa đao binh !

Thế mà anh lại ngã gục một cách bất ngờ ! Tại sao và tại sao ?

Tôi tưởng tượng đôi mắt anh chưa nhắm kín môi anh chưa khép chặt, anh còn muốn nhìn và nói một điều gì...

Xuân ơi ! Tôi rất ân hận vì không hay kịp, để đến nhìn mặt anh lần cuối, tiễn đưa anh ở giây phút sau cùng !

Dưới lớp đất lạnh lùng, trong phần mộ chật hẹp, nghĩa trang quạnh quẽ kia, anh có buồn trách tôi không ?

Anh chết là khoẻ rồi đó, Xuân ạ ! Thân xác anh tuy nát rữa với cỏ cây, nhưng linh hồn không bị ai khép chặt trong ngục tù cõi sống. Dầu muốn dầu không anh cũng đã quay lưng với cuộc đời khốn nạn, chỉ tội cho những người ở lại trong ấy có tôi đang tiếp tục kiếp ngựa gầy kéo lê chiếc xe nặng trĩu, chạy khắp khổ trên quảng đường sỏi đá khúc khuỷu, cố thoát khỏi vùng bóng tối dày đặc. Xuân ơi ! Như anh biết, Hoà bình chỉ là một danh từ hoa mỹ, một ảo tượng viển vông đối với dân tộc Việt Nam chúng ta,

Xuân ơi ! Đêm nay trong giờ phút Sài Gòn ngưng nghỉ, trước cây nhang khăng khiêu toả làn khói ngoằn ngoèo, mờ ảo, tôi ngồi viết mấy dòng tưởng niệm anh đây. Nước mắt chảy lem trang giấy, không hiểu tôi khóc cho anh hay vì những người còn sống, khóc cho Đạo pháp mãi gặp điều chẳng may, Quê hương ly tán, Dân tộc xẻ nghĩa tan đàn ? !

Tiếng phi cơ tuần sát ừ ừ trên nền trời lấp lánh sao kìa huya như lời than khóc của người xấu số. Thình thoảng những khẩu đại bác khác ra từng cục máu lửa đỏ lòe, rền vang, làm rung rinh bầu không khí vắng vẻ. Bất đầu lại không có những oan hồn tức tưởi ra đi, sau những tiếng gầm thét kinh thiên ấy. Hay chuẩn bị mà đón họ, anh Xuân nhé ! Anh không cô đơn đâu...

Xã - hội

Việt-nam hiện đại

Đại Đức THÍCH DỨC NIỆM

N HÌN vào thực trạng xã hội Việt-Nam ngày nay, nếu ai còn chút suy nghĩ đến tiền đồ dân tộc, thuần phong mỹ tục của xứ sở, không thể ngăn được niềm thốn thức đớn đau. Nếu đem so sánh cái trạng thái suy nhược, cái đời trụy mục nát từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài trong mọi cơ cấu, mọi tầng lớp của xã hội VN, thì ta có thể đem cái xã hội cuối thời Lê Trịnh mới có thể so sánh xã hội VN ngày nay họa hoằn mới tương hợp. Xã hội thời đó đã được văn học giới VN mệnh danh trọn trong hai chữ : « thối loạn ».

Xã hội VN ngày nay được gọi là tiến bộ, là văn minh. Nhưng bấm ngón tay, lật từng trang sách báo, nhìn thẳng vào sinh hoạt của xã hội, đời sống dân chúng, ta chỉ thấy toàn là những danh từ kêu, tựa hồ như tiếng kêu của chiếc thùng thối rỗng. Nếu văn minh của xã hội được sơn phết bằng những danh từ bánh vẽ đó, thì dân tộc VN không bao lâu sẽ có ngày đến xuống dốc như dân tộc Chiêm Thành. Thành quả của nền tảng xã hội ngày nay hoàn toàn đã bị chi phối trong mọi cơ cấu quốc gia, trong mọi sinh hoạt quần chúng, Nghĩa là lâu đài tự chủ không xây móng. Cuộc sống tự cường quốc gia trọn vẹn nằm trên cồn cát.

Một ngôi nhà cao đồ sộ nguy nga, qua khung cửa kính ngoài lại, lộ ra những hình người ngoại quốc to lớn tục tằn, ôm nhau la hét nhảy nhót lẫn xấn. Hay khắp các ngõ đường phố lớn, đầy đầy trong các quán giải khát, các cô thiếu nữ VN (đa phần, không phải là hết) ăn mặc theo kiểu rút gọn tân thời, tay bắt, thân kề là lời với những lính ngoại quốc hì hèm, cao ngất nghe. Tất cả những thứ đó gọi là văn minh, là tiến bộ của cái đất nước VV đầy đau khổ triền miên này ư?

Cứ thả bộ, hoặc đi xe đạp chậm chậm trên đường phố, các bạn sẽ thấy lộ nguyên hình một xã hội đồi trụy; — Trước mắt và xung quanh các bạn hiện ra nhan nhản những cảnh tượng trần tráo bi thảm tui nhục, Đây đây nhé, các ông lính ngoại quốc vừa trong quán ra, các em bé VN chạy theo nắm áo, nắm tay như lâu ngày xa cách, nay gặp lại mừng rỡ, cười cười, nói nói, Nhưng không, các em có ý van xin,

Đã hết đầu, trên đường phố lớn, chiếc xe xích lô chở ông Mỹ đen từ từ lăn bánh. Bỗng cô gái VN ăn mặc kiểu rút gọn thời nay, mặt mày sáng sủa, thoàng nhẹ trong không khí vài tiếng huýt gió, qua cái nhìn của ông xích lô có ý hỏi thăm, lệ làng, cô gái kia đã nhảy vào ngồi gọn trong lòng chàng trai ngoại quốc và được bao bọc bằng vòng tay to lớn lông lá đen thui! Hơn nữa, cái cảnh tượng đốn mặt nhồi da làm cho mọi người khổ đau da diết. Có một hôm, tiết trời tháng bảy, không còn nhớ rõ ngày nào, tôi được Đại Đức tuyên úy mời đi thăm và ủy lạo tại lao xá Bình Dương. Vào đây, sau khi nghĩ lễ thuyết pháp xong, qua câu chuyện đạo tâm tình cảm với phạm nhân, tôi xin phép người chủ ngục đề hỏi thăm, an ủi từng người. Mỗi người trình bày một hoàn cảnh: “Thưa

chết. Sáu đứa con đại đang còn bơ vơ ở chốn đồng sâu. » — Người khác : « Em tham gia vào cuộc tranh đấu của dân chúng và Phật Giáo, bị bắt vào đây buộc là đặt công phá hoại của Việt Cộng. Đặc biệt là một cụ già, đầu búi tóc bạc đen lẫn lộn, chậm chạp trong dáng điệu run run kính cần

nằm vùng.

Già cả rồi, tôi còn làm chi cái chuyện diên khùng ấy? Cuối cùng họ buộc điều gì, chúng tôi đều phải nhận tất cả. Bị đòn quá nhiều, nên nhức xương, nhức đầu, tiêu ra máu đen. Chúng tôi muốn xin thầy giúp đỡ ít thuốc men và cho ít kinh sách xem đỡ buồn khổ ở chỗ lao tù này.

Rời lao xá với cõi lòng thồn thức nặng trĩu. Tất cả người ở lại nhìn theo đến khi tôi khuất dạng dưới những bức tường thành cao kiên cố. Được Thầy Tuyên úy hướng dẫn, tôi bước từng bước nặng nề qua các đường Phố Bình Dương đầy loang lổ tro bụi.

Gió từ mặt sông luồn qua khung kính cửa xe, mang theo hơi nước mát, màu cỏ đồng nội dịu dàng, làm tôi trở về với thực tại—là đã về đến cầu Bình Lợi—Nhìn các binh sĩ đang cầm súng gác cầu,

 hồi tưởng hình ảnh khí khái của những anh hùng liệt nữ văn thân căn vương VN, trước đây chống thực dân Pháp, làm tôi

mường tượng đến hình ảnh oai hùng của Quang Trung, Lê Lợi, Trần Bình Trọng, người trai nước Việt năm xưa đã nhận thức cái nhục vinh của dân tộc. Chân diện của cuộc đời đã được phơi bày trong dịp lễ cây cầu qua lời nói của Hoàng tử Tất Đạt Đa: «Đời đầy dẫy bất công gian ác mạnh được yếu thua, khôn hiếp dại—đời là khổ, ta quyết định phải giải thoát nỗi khổ đó». Cùng một cuộc sống, một kiếp người, nhưng có kẻ để lại cho đời tấm gương sáng bất hủ, ngược lại có người phá sản đến tận nhịp tim.

Đại Đức THÍCH ĐỨC NIỆM

Sầu vương kiếp bạc

Trần Lệ Lan Thương

Ta lặng lẽ gục đầu trên hoang đảo
Đề âm thầm cho máu lệ làm ngâu
Khóc thân trai, gánh nặng cả trời sầu
Giờ úp mặt, rưng rưng buồn tuổi dại
Linh hồn nhỏ sớm xây nhiều oan trái !
Nên bấy chừ chối bỏ mộng ngày xanh
Khoát lên vai manh áo mỏng lưu hành
Ngoài viễn phố. . . mang thân người lữ thứ
Tay mười ngón, đan dài bao nét chữ
Chữ tang buồn, và cả chữ thương đau
Rồi bước đi trên vạt nẻo sông cầu
Tìm quên lãng một nỗi buồn nhân thế,
Nhưng chứng tích... mãi vương sầu mắt lệ
Tình ngàn phương chưa nhạt bóng cổ nhân
— Về đâu đây ?—muôn quán trọ phong trần
Nghe rét buốt cõi lòng băng giá lạnh.
Chiều tàn xuống đảo hoang buồn hiêu quạnh.
Cánh chim trời còn bật gió kêu sương
Mòn mỗi bay qua mấy dặm trùng dương
Như bóng nhận về đêm sầu đa diết
Ta gượng sống với chuỗi ngày bi thiết
Phó cuộc đời cho cát bụi phiêu linh
Biền sông ơ ! ta ngai gót đấng trịnh...
Sẽ gục ngã trên sông triều hồ hải

Đoản buồn

_____tuổi xanh

BÙI CÁI

1

Tôi không nhớ rõ, dường
tượng khoảng ấu thơ
trong đời tôi như thế

nào. Tôi chỉ nhớ và không quên
cái ngày Tây về. Đây chiếm đóng,
ngôi đình làng biến thành đồn Tây
với kẽm gai chằng chịt bao quanh
cảnh tượng trước mắt không ai
bất buộc phải nhớ, nhưng, sao tôi
không quên được những cảnh
tượng không đẹp chút nào đó.
Đoàn xe « công tác » chạy trên
đường phố hằn học sát khí của bọn
lính Tây. Đêm đêm, thường như

vậy, tôi phải chạy trốn khi nghe
tiếng súng. Tôi sợ hoảng cùng độ !
Bọn gái học đâm chưởi bởi um
tùm !

Tôi ra đời với ưu tư chưa có
thần nhiên vui sống dưới mái gia
đình ở vùng quê miền Trung yên
vui. Rồi dùng một cái, súng nổ,
cảnh hãi hùng xảy ra. Tàn cư. Dân
chúng từ bỏ làng mạc chạy vào núi
đi xa tìm nơi không có chân thực
dân đến xin tá túc, tị nạn. Giặc đến
chạy giặc khổ, đói. Gia đình tôi có
khi ngủ ngoài ven sông, ở chuồn bọ
ăn đỡ lòng bằng củ chuối, rau
hoang. Tây đó chúng nổ tiến vào

đến kia rồi Bọn nó vào làng. Tôi Tây trước mặt Tây sau lưng, đầu cầm cuoi thốn. Đêm đêm xuất hiện dân quân, họ cũng ở đầu cầu cuối xóm, hoạt động thi đua lập chiến công du kích chiến. Cha tôi ban đầu gánh chúng tôi nhưng, tiếng súng mỗi lúc mỗi gần, người phải quăng gánh bỏ lại mà công tôi, còn đưa em gái ôm vào nách mà chạy. Mẹ tôi tuy bệnh người cũng cố gắng chạy đua với tử thần. Có khi phải trốn dưới ống cống, bờ đê. Tôi sống trong sợ hãi, hễ ai nói tới Tây, đến Dân quân là tôi sợ rồi tuy chưa biết gì về đầu chảnh đầu tà. Người ta chỉ nói mà đã sợ hống chỉ phải thấy, không may cho tôi một lần nào đó tôi gặp Tây lỗ mũi cao, tướng mạo dữ tợn, hần học, cao lớn người về mặt đầy sắt khi đi kiếm kẻ thù người Việt làm nô lệ. Tôi hoảng người, cầm chẳng thốt nên lời, tha tội, hoảng khóc lên dù còn trẻ và chẳng biết gì.

Tôi lớn lên bên này sông Hương với lửa giặc hằng ngày trong niềm tủi hơn một nước nhỏ bé bị trị, nô lệ.

Tây ngoài thành, Tây hiện đầu cầu, cuối ngõ đường thị xã hăm hiếp, cướp bóc, cưỡng đoạt nhân công và đã đảo, hoan hô. Tiếng máy bay ù ù hiện, đe dọa rồi tàn sát dân lành bằng bom đạn, nhà cháy, máu nước mắt, bơ vơ, nghèo đói, khổ khò. Đò, tuổi thơ của tôi, Đất mẹ tình người. Chẳng riêng gì tôi, hằng triệu người cùng chung số phận khổ đau của đất nước VN tang thương lúc bấy giờ. Sau ngày tản cư, tìm lại được gì ? tiêu điều, hoang phế! gia đình tôi chỉ còn cái lu sành chứa nước đã bẻ năm kia! Còn lại có thể! Sống trong lo âu, nay đói, mai không có ăn, khổ vô cùng.

Tôi tìm sống bằng mọi cách nào móc túi, lượm ve chai, đánh giày. Tôi làm tất cả với mảnh khoe của trẻ con để có được sự sống và xem cuộc đời của tôi như không biết gì.

2

Chiều nay trời mau tối và ngày mai chập sang. Chung quanh sương

mù, buồn đọng ở cành cây, phôiếm
lạ, trên vạt nẻo buồn tha sầu về
quê hương đang đau khổ, bởi bạn
bè lũ cộng ngoại, thực dân chủ
trương nô lệ hóa. Người ta nói rất
nhiều tình thương, nhưng tôi chưa
được nghe lời ngọt dịu nào về nó
nên có chăng nữa chỉ là lừa bịp mà
thôi, kẻ cả kẻ có thẩm quyền
Tôi rất cần những gì người ta
không ngờ ngàng, quan tâm đến
mà thương nghe nói rất nhiều.

Chung quanh tôi người ta ghét
bỏ tất cả những tiềm tàng của con
người, nhưng phủ phàng người
ta không quên thủ lợi, vợ vét vì
thế, chúng ta đã trở thành con mồi
chờ ngày ăn thịt, món hàng trang
trí.

Tôi vờ vẩn và nghĩ đến nên
giết nhau bằng trái tim của máu
cho rồi! nhưng, phi lý quá chủ nghĩa
của câu cười! Tôi giả từ thiên buồn
tuổi nhỏ và thăm gọi những người
có trách nhiệm trước lịch sử dân
tộc và đạo giáo. Khốn nạn cho ngày
tàn đồ vỡ. cho ý nghĩa đại khờ!

3

Dãy Trường Sơn hiện ngang
năm sừng sững trước mặt. Sáng
tàu ra đi, chiều tàu về, ở đó có cỏ
hoang mọc quanh quán nước quạnh
hịu bên đường chờ đợi khách qua
Xa tít con đường sắt song song
gặp diêm xa vời! Thành phố nhà
cửa, ruộng đồng trở thành vô chủ
Quê hương vời đau thương tuổi
trẻ tiếp diễn khổ đau nước nẻ khô
cằn đau khổ. Những mái nhà tranh
lánh mình lụp xụp bên sườn đồi
ven ruộng luôn luôn sợ hãi, kinh dị
Miền Trung tang thương, quê hương
tôi đó. Tôi đã chạy trốn sự khổ đau
cực khổ chăng? Tôi phủ nhận điều
đó, nhưng tôi vẫn thấy có lý.

Trước mắt, sau lưng tôi còn
sương mù. Những đứa con thân
yêu của đất nước đang tiếp tục lên
đường, còn lạc loài bơ vơ tìm
một hướng đi cho lý tưởng. Tim
được vùng lên trong lý tưởng
phụng sự sự dù rất nhỏ về tình
thương rộng lớn.

Chọn một chủ nghĩa, cuộc sống

ư? Tôi đáp đồ tư tưởng bảo thủ chỉ đi tìm tình thương nhân loại mà xã hội đang khao khát. Ý nghĩ bị bỏ rơi và gió tập quyen đến.

Tôi nhìn vào hiện tại, lương tâm thấy xót xa khi thấy ý nghĩa tốt đẹp của cuộc đời bị bóp méo, Tôi tin tưởng hệ chân lý bị suy bao nhiêu thì nó lại sáng tỏ bấy nhiêu vì như xà lim giam tôi bằng bốn bức tường ngực hình đen tối mới thấy rõ khoảng của ánh sáng là cần thiết, mới hiểu thế nào là tự

do, dân chủ, mà hiện tại của nó cũng như không muốn bóp méo.

Quyển sách trên bàn, tôi lật từng trang, đảo mắt nhìn từng từ và bất chợt nhớ đến 4 câu thơ:

« Đồi thông thoảng rũ mây bay.
Quê hương còn đó tưng bừng
chúng mình. Tài hoa chân từ phục
sinh. Ai đem quê mẹ hiến tình
cho ai »

BÙI CÁI

ẢNH HƯỞNG TAM GIÁO trong văn học Việt-Nam

▲ Đại đức HẠNH CƠ

(Tiếp theo)

K HI đi thì chợ không đông
Đi thì phải mượn quần chõng sao
đang

Có quần ra quần bán hàng,
Không quần ra đứng đầu làng trông
quan. >

Về luân lý, muốn lập thành một
xã hội tốt đẹp, an vui hùng cường
thì mọi người đều phải gìn giữ

cương thường :

Làm người phải biết cương thường,
Xem trong ngũ đẳng quân vương
công đầu

Thờ cha kính mẹ trước sau,
Anh em hòa thuận mới hữu làm nên.
Vợ chồng đạo nghĩa cho bền,
Bạn bè cho thuận, dưới trên đứng
đầu.

Theo quan niệm Nho giáo thì mọi sự vật trong vũ trụ đều vận hành theo đạo trời. người ta phải cư xử theo đạo trời; mà đức chính của đạo trời tức là Nhân. Nhân, theo nghĩa rộng, tức là cái năng lực tiềm tàng ở khắp vũ trụ, là cái động lực làm cho vũ trụ vận hành. Nhưng chữ Nhân trong đầu óc người bình dân, nó không có nghĩa cao xa như vậy mà người bình dân chỉ hiểu chữ Nhân theo nghĩa thông thường tức là lòng nhân từ thương yêu mọi người, mọi loài.

Ai ơi cứ ở cho lành,

Tu nhân tích đức để dành mai sau

hay :

Có câu tích đức tu nhân,

Hoạn nạn tương cứu, phú bần tương tư.

Rồi cái Nhân kia mới sinh ra bốn tình khác; đó là Hiếu, Đễ, Trung, Thứ.

Trong gia đình, trên hết có cha mẹ, sau đó đến anh chị em. Vì thế con phải có hiếu với cha mẹ, luôn luôn phải biết công ân của cha mẹ đã sinh thành và nuôi dưỡng khó

nhọc từ nhỏ đến lớn :

Ân cha nặng lắm cha ơi,

Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang.

hay :

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra .

Công ơn cha mẹ nặng nề lớn lao như thế nên người con cần phải ghi ân cha mẹ, phải báo đáp công ân ấy, phải ở cho ra đạo hiếu. Người bình dân chú trọng chữ hiếu ấy từ khi đứa con còn nằm trong nôi :

Ru hời ru hởi ru hời,

Công cha như núi ngất trời,

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông.

Núi cao biển rộng mênh mông,

Cù lao chính chữ ghi lòng con ơi !

Đến khi người con đã lớn thì :

Thờ cha mẹ ở hết lòng,

Ấy là chữ hiếu dạy trong luân thường.

hay :

*Ân cha nghĩa mẹ nặng triều,
Ra công báo đáp ít nhiều phận con.*

Sau chữ hiếu là chữ Đê. Anh em, chị em cần phải nhường nhịn lẫn nhau để giữ hòa khí trong gia đình :

*Chữ Đê nghĩa là nhường,
Nhường anh nhường chị lại nhường
người trên.*

*Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau*
hay :

*Anh em một khí huyết rây,
Cũng như người có chân tay khác
gì,*

Sau khi đã ý thức và thực hành được hai chữ Hiếu và Đê đối với cha mẹ, anh chị em trong gia đình, người ta còn phải áp dụng chữ Trung, chữ Thứ để cư xử với xã hội.

Chữ Trung nghĩ là ta cần phải hết lòng với bè bạn, với mọi người trái lại bè bạn cũng phải hết lòng với ta.

*Ai sang dò ấy bây giờ,
Ta còn ở lại tạ chờ bạn tã.*
hay :

*Bạn bè là nghĩa tương tư
Sao cho sau trước mọi bề mới nên
hoặc :*

*Một mai trống lũng khó hàn,
Dây dùn khó dứt bạn loan khó tìm*

Nhưng trong lúc chơi với bạn, ta cần phải chọn lựa, đắn đo : nên tìm chơi với những người tốt để bắt chước họ và những ai xấu thì nên tránh vì sẽ xấu lây đến ta :

*Thói thường gần mực thì đen,
Anh em bạn hữu phải nên chọn
người.*

*Những người lâu lũng chơi bời,
Cũng là lười biếng ta thời tránh xa*

Ngoài Nhân, Hiếu, Đê, Trung, Thứ ra, dân ta còn chịu ảnh hưởng sâu xa hơn nữa về các điều luân lý khác như tam cương, ngũ thường, tam tông, tứ đức...

Người Việt ta sống trong thời kỳ hoàn toàn quân chủ nên lúc nào cũng nghĩ đến đạo Vua tôi. Tôi

luôn luôn phải trung với vua, với nước mới đáng được người kính phục và được Vua tin dùng. Đức Trung đó chính là một trong tam cương tức là Quân thần cương :

*Trung thần tiết rạng đường gương
Kẻ ra nam thú, người nương đại dãi*

Đối với người con trai, chữ trung được sắp ngang hàng với chữ hiếu :

Đã sinh ra kiếp ở đời,

Trai thời trung hiếu hai vai cho tròn

Trong gia đình, cha cần phải xử đúng đạo cha, con phải đúng đạo con, đó tức là cái đạo cha con (phụ tử cương). Người con phải luôn luôn vâng lời cha mẹ :

Cá không ăn muối cá uươn,

Con cưỡng cha mẹ trăm đường con hư.

Cha mẹ luôn luôn phải dạy dỗ con cho đúng đạo :

Con ơi muốn nên thân người,

Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha :

*Gái thời chăm việc trong nhà,
Khi vào canh củi, khi ra thêu thùa.*

Trai thời đọc sách ngâm thơ,

Dối mặt kinh sử đề chời kịp khoa.

Nửa may nổi được nghiệp nhà,

Tư sức là đẹp mặt, sau là hiển thân.

Trong một gia đình, cần nhất sự hòa thuận. Vì thế vợ chồng phải đối xử với nhau cho êm ấm, phải nhường nhịn nhau trong những lúc bất bình v.v.. đó mới đúng là đạo vợ chồng (phụ thê cương) ;

Chồng giận thì bớt lời,

Cơm sôi nhỏ lửa mấy đời mà khê.

hoặc :

Chồng hòa vợ thuận,

hay :

Anh em cốt nhục đồng bào,

Vợ chồng là nghĩa lễ nào chẳng thương,

Trong khi người con trai cần phải thực hiện đúng đắn thì người con gái phải thật hành cái luân lý tam tòng. Khi còn nhỏ, sống trong gia đình thì phải tùy thuộc theo

người cha ; đến tuổi trưởng thành
lập gia đình thì phải theo chồng
và đến khi chồng chết thì phải theo
con (tại gia tòng phu, xuất giá tòng
phu, phu tử tòng tử) :

Tam tòng sách hãy còn ghi,

Bé nương theo mẹ lớn đi theo
chồng

hay :

Tam tòng tích hãy còn ghi ,

Bé nương cha mẹ già thì theo con
hay :

Mẹ già đã có con trai,

Con là phận gái dăm sai chữ tòng

Ghi thể nước thăm non xanh,

Theo nhau cho trọn tử sinh cũng
đành

Trời cao bề rộng mông mênh,

Ở sao cho trọn tấm tình phu thê.

Trót đã ngọc thốt vàng thê.

Đủ rằng cách trở sơn khê cũng liều.

Ngoài tam tòng ra, người con gái
còn phải đủ từ đức ; như thế mới
gọi là người con gái hoàn toàn theo
quần lý :

Phận gái tứ đức vẹn tuyền,
Công, dung, ngôn, hạnh giữ gìn
chẳng sai.

Người con gái phải tỏ ra là một
người nội trợ giỏi, đảm đang công
việc trong gia đình :

Con ơi muốn nên thân người,
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha
Gái thời chăm việc trong nhà,
Khi vào canh củi, khi ra thêu thùa.
hay :

Canh một dọn cửa dọn nhà.

Canh hai dệt củi canh ba đi nằm
Canh tư bước sang canh năm.

Trình anh dạy học chữ nắn làm
chỉ.

Người con gái nói năng lúc nào
cũng phải giữ gìn cẩn thận, đừng
dề cho ai mất lòng :

Lời nói chẳng mất tiền mua,

Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau
và luôn luôn phải dịu dàng, có
đuyên, tao nhã :

Chim khôn kêu tiếng rảnh rang,
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ
nghe.

hoặc :

Chim khôn tránh bầy tránh dờ,

*Người khôn tránh tiếng hồ đồ mới
khôn*

Và nhất là người ta luôn luôn chú ý đến nét hạnh của người con gái. Người ta còn trọng nó hơn là vẻ đẹp :

Cái nết đánh chết cái đẹp.

Nói đến cái nết hạnh của người con gái, người ta không thể bỏ qua chữ « trinh » được vì nó được coi như cái nết đứng đầu của người con gái :

Gái thời giữ lấy chữ trinh.

*Siêng năng chín chắn trời giành
phúc cho*

Người con gái có đủ tứ đức là người con gái hoàn toàn thì người con trai cũng thế. Người con trai muốn được gọi là con người hoàn hảo thì phải đủ bốn điều là tu thân tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Người trai sinh ra trong đời việc đầu tiên là phải tu luyện chính mình theo đúng luân lý, đứng để

bị hư hỏng hoang đường :

Làm trai quyết phải tu thân

*Công danh chớ vội, nợ nần chớ
lo*

hay :

Tu thân rồi mới tề gia,

Lòng ngay nói vậy, gian tà mặc ă

Sau khi đã tu thân, người con trai phải gắng luyện công danh để làm vinh hiển cho gia đình, cho tổ tiên và đồng thời làm vinh hiển cho chính mình :

Trai thời đọc sách ngâm thơ,

Dồi mài kinh sử đề chờ kịp khoa.

Mai sau nổi được nghiệp nhà,

Trước là đẹp mặt, sau là hiển thân.

Người con trai đã có tài thì phải đem tài ra để giúp nước, làm cho nước mạnh dân giàu nơi nơi đều khâm phục :

Nước yên, quân mạnh, dân giàu,

Khắp trong tám cõi cúi đầu làm tôi.

và thiết thực hơn hết trong việc giúp nước tức là đi làm quan giúp vua cai trị :

Dưới dân họ, trên quan viên,

*Công bình giữ mực cầm quyền cho
hay.*

Sau hết, người con trai cần phải
tỏ ra dũng cảm, đủ nghị lực để
đánh đồng đẹp bắc, trị loạn cho
thiên hạ được thái bình :

*Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đông đông tỉnh, lên đông
đông tan,*

Nền luân lý Nho Giáo còn dạy
cho mọi người không phân già, trẻ,
quân, dân, đều phải giữ lấy năm đạo
« thường » là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí
Tín.

Nhân tức là đạo trời. Trước
tiên người ta cần phải có lòng nhân
rồi sau mới sinh ra các đức tính
khác như đã nói ở trên.

Rồi, sống cùng nhau, con người
cần phải có nghĩa với nhau :

Ông kiến còn có vua tôi,

*Huống chi loài người chẳng có
nghĩa ru !*

Con cái cần phải có nghĩa với
cha mẹ thì mới được cha mẹ yêu vì :

Trai mà chi, gái mà chi,

Dứa nào có nghĩa cè nghè thì hơn.

Chữ tri đối với người bình dân
không cần phải là biết được lắm
mưu kế, nghĩ ra nhiều chuyện hơn
người xét sai mọi lẽ thâu đáo mà
đối với họ, tri tức là tri khôn. Gặp
hồi nguy hiểm, kẻ nào khôn thì
người ấy được sống, nếu không thì
chịu chết :

Khôn sống, bống chết.

Người sống một cách khôn
ngoan tức là người không để cho
người đời lường gạt mình và tráo
lại mình cũng không bao giờ lường
gạt người ta. :

Khôn ngoan giữa đám ba bề,

Đừng cho ai lận, chớ hề lận ai.

Người không phải là những
người làm việc gì cũng do tự mình
nghĩ ra, chứ không bao giờ ăn cắp
theo cái người khác đã làm :

Khôn thì trong trí lượng ra,

Dại thì học lõm người ta bên ngoài.

Trong cuộc sống của loài người
người ta không ai có thể sống lẻ
loại được, nên phải giao thiệp với

nhau, Mà đã giao thiệp với nhau,
hì cần phải tỏ ra thật thà và phải
hít sức tin nhau :

Tin nhau bốn bán cùng nhau,

*Thiệt hơn hơn thiệt, trước sau như
lời.*

Hay gì lừa đảo kiếm lời,

*Một nhà ăn uống, tội trời riêng
mang*

Theo chi những thói tham gian,

*Pha phôi thực giả tìm đàng dối
nhau*

Của phi nghĩa có giàu đâu.

Ở cho ngay thật giàu sau mới bền,

Xã hội Việt-Nam chịu ảnh hưởng
của Nho giáo, sống theo chế độ
đại gia đình; trong đó có đủ các
cấp bậc: Cổ, ông, cha, mẹ, chú, bác,
cò, dì v.v..

— Bì ơi cháu quý bà thay !

Quý bà vì nỗi bà hay cho quà.

— Con cô con cậu thì xa,

Con chú con bác thực là anh em.

— Khen cho lớp trước khéo tu,

Ngày sau con cháu vãng dù nghìn

ngang.

Họ lấy gia đình làm nền tảng.
Gia đình đã chiếm một địa vị quan
trọng trong đời sống của dân chúng.

Trong gia đình, người cha-
người chồng luôn luôn giữ một địa
vị quan trọng hơn ai hết vì họ có
nhiệm vụ là phải che chở cho cả
một gia đình, đùm bọc vợ con :

— Con có cha như nhà có nóc,

— Con người có bố có ông,

Như cây có cội như sông có nguồn

— Còn cha gót đỏ như son,

*Đến khi cha chết, gót con đen sì-
hay :*

*Gái không chồng như nhà không
nóc.*

Sống trong gia đình, người vợ
là người vất vả nhất. Cuộc sống chỉ
biết có gia đình, hy sinh mình để
phụng sự cho gia đình, phụng sự
chồng, phụng sự cha mẹ chồng v.v..
Vì thế, người vợ luôn luôn là một
người nội trợ đủ sức đảm đương tất
cả các công việc trong gia đình :

Anh về hái đậu trầy cà,

Để em đi chợ kéo mà lỡ phiên,

*Chợ ỉở phiên tổn công thiệt của,
Miệng tiếng người cườidở sao nên?
Lấy chồng phải gánh giang sơn,
Chợ phiên còn dờ, giang sơn còn
gì !*

Dân tộc ta lại còn chịu ảnh hưởng rất sâu đậm cái thuyết thiên mệnh của Nho Giáo. Theo quan niệm của dân chúng thì tất cả mọi người sang hèn giàu nghèo v.v., đều do số phận cả :

*Số giàu đem đến dưng dưng,
Lựa là con mắt tráo trưng mới giàu.*
hay :

*Số giàu tay trắng cũng giàu,
Số nghèo chín đụn mướn trâu cũng
nghèo.*

Và cái số phận ấy đều do trời định ;
*Chữ rằng tiểu phú do cần,
Còn như đại phú do phần do thiên.*
hay :

*Mưu sự tại nhân
Thành sự tại thiên*

Và điều trời đã định thì không ai có thể sai sửa được :

Chữa được bệnh không ai chữa được mệnh.

Đối với đám bình dân, trời là nhân vật vô cùng linh thiêng, có quyền lực gây tai họa cho những kẻ gian ác, và giúp đỡ cho những kẻ hiền lành. Vì thế mỗi lần gặp nguy biến là họ cứ than trời.

Trời làm khổ cực hại dân

**Trời làm mất mát có phần nào
chẳng ?**

hay :

*Đạo trời báo phúc chẳng lâu,
Hễ là thộn ác đáo đầu chẳng
sai.*

Và người ta luôn cầu trời phù hộ trong đời sống của họ :

Lạy trời phù hộ cho em.

Cho em chóng lớn em lên cỡi gựa

Khỏi điêu duyên nợ rầy rà,

**Khỏi mang tiếng xấu như là
những ai,**

Một người có số không sống lâu thì ki ông đỡ nhưng người ấy biết làm lành, biết theo đạo trời thì trời có thể thấu tình mà xoay trở vận mạng cho được sung sướng và sống

lâu; như trong chuyện cổ tích « làm lành » này thì ta đủ thấy rõ cái quan niệm « trời » của người bình dân !

Xưa có một người học trò rất hay chữ nhưng đi thi thì cứ hỏng hoài, nên tức mà không thi nữa. Một đêm nằm mộng thấy một vị thần đến hỏi rằng :

— Người học hành giỏi, có thể thi đỗ, tại sao không thi nữa ?

— Hồi nhỏ có một thầy tướng đoán tôi không thể sống lâu được lại không lập được công danh gì cả. Tôi lại đã thi mấy bận mà không đỗ. Tôi nghĩ cứ cố gắng mãi cũng vô ích nên tôi không đi thi nữa,

— Số tướng thì cũng có thật, nhưng nếu người biết chăm làm các điều lành thì trời cũng chứng giám và xoay trở cho người được sống lâu và giàu sang không kém ai. Chứ không phải nhất định như thế mãi.

— Biết làm những điều gì là những điều lành ?

— Việc làm phải đúng với đạo đức, điều lành, trái với đạo đức là ác. Ví dụ một viên đá nằm giữa đường

nếu đã có người vấp thì mình ném đi để người khác khỏi vấp nữa, đó là một điều lành và cứ như thế mà suy ra,

Khi người học trò tỉnh dậy thì dang sớ tàu với trời đất, theo lời thần mạch bảo mà cầu nguyện xin làm ba trăm điều lành.

Ba năm sau, người ấy tỉnh lại, cử một điều lỗi thì đi một điều lành và còn đúng được ba trăm điều lành.

Năm ấy nhân có khoa thi, anh đi thi thì quả nhiên được đỗ cao.

Người học trò liền nghĩ : « Đạo Trời thật không phụ ai, có cầu có ứng, có làm điều lành có hay ; rồi lại cầu nguyện làm ba trăm điều lành nữa.

Vài năm sau người ấy tỉnh lại cách như trước thì được đúng ba trăm điều lành và năm ấy nhằm lúc được bổ đi làm quan. Từ đó người học trò mỗi ngày một giàu sang, khỏe mạnh, sống lâu.

Vì thế nên có câu tục ngữ rằng:

**Lòng trời chẳng phụ ai ngay
Họa giao phúc thiện xưa nay
nào nhầm.**

(Còn nữa)

HỮU CHIẾN

■ Đại Đức THÔNG - BỪU

A I cũng thêm sống, tham sống và muốn sống cho chính mình thì mọi người khác cũng biết sợ chết không muốn chết và không bao giờ thích đi vào đường chết ; thế mà hai mươi hai năm khói lửa chiến tranh tràn ngập khắp lãnh thổ, thân chất có thể thành núi, máu chảy có thể thành sông, nhưng lắm người cứ nhắm mắt để cho cảnh chết ấy kéo dài càng tốt,

Nhưng luật tuần hoàn có vay có trả, nghiệp nao qua này, chơi dao có ngày đứt tay, giỗ võ hồ, thì sẽ bị cọp ăn, giỗ lợi bơi thường chết chìm giữa biển cả. Người ưa chiến tranh (háo chiến) thì chiến tranh sẽ quay lại hại họ, Ké thích dùng chiến tranh thì có ngày chiến tranh sẽ làm thân xác tan nát ra từng mảnh.

● Hai mươi hai năm dân tộc Việt Nam chúng mình nói riêng và các nước bạn nói chung ; sống trong cảnh pháp phùng lo sợ, sự chết chóc hăm dọa thường xuyên ; thân chiến tranh luôn túc trực bên cạnh chúng ta. Dù là con người đã mất lương tri đến đâu cũng không nỡ mắt ngo tai điếc, trước cảnh chết chóc tang thương của đồng loại.

Những vị Bắc sĩ, những vị y tá những bậc tu sĩ, được chứng kiến cảnh đau lòng này thường xuyên nhất. Chứng kiến khi một thiếu phụ chít vành khăn tang, tay bồng tay tay dắt năm bảy đứa con, mắt đọng những dòng lệ, những tiếng nức, rồi tiếp theo là đám hài nhi vô phúc kia cũng và theo mẹ hân mà khóc, khóc nức nở trước xác cha nó, cha nó chết rồi; chết cho dân, cho nước, cho Tổ quốc thân yêu, chết để lưu lịch sử;

— CHIẾN TRANH, tại sao mi tàn nhẫn như thế ?

Và cảnh tượng bi thương ấy, không phải diễn ra một vài ngày, một vài tháng mà nó đã xảy ra, đến 22 năm đằng đẳng.

Hỡi quý bậc hiền triết các vị đạo đức, các nhà cách mạng yên dân, lòng dạ nào làm ngơ trước cảnh, gỗ hay đá mà nở đưng đưng. Chết chóc tang thương phủ trùm trên lòng đất Việt. Cảnh mẹ lia con, chồng xa vợ trở biệt thầy, quê hương tan nát máu dân, lệ trào, suốt hai mươi hai năm dài đau khổ.

Chúng ta đừng tạo và đừng để đau khổ kéo dài nữa, năm Đinh Mùi sắp đến, viễn tượng hòa bình sắp lộ dạng, chúng ta đừng để lỡ mất một cơ hội tốt. Dù các anh là người Công Sản, chúng tôi là người Quốc gia; nhưng đồng nhau một màu da, một tiếng nói một gốc tiên rồng và giống nhau là loài người, biết thương yêu, tham sống sợ chết. Vậy thì chúng mình đừng để mất cơ hội thuận tiện ngàn năm một thuở.

Cả thế giới, nhất là Việt Nam (miền Nam) đã vận động và đã tổ thiện chí tối đa là HƯU CHIẾN, liên tiếp đến ba cuộc, thật là hiếm có và khó tìm thấy trong 22 năm nay. Nếu chúng ta là loài người nên chúng ta còn chút lương tri, hãy thực tế bắt tay vào việc hưu chiến, hưu chiến ba cuộc, năm cuộc, mười cuộc và ba chục, năm chục cuộc rồi đến ngưng chiến hẳn. Bỏ chém giết nhau thật sự. **Hãy lấy tình thương để son Phấn hện thù.** Lấy quốc sách mà trị dân, đừng lấy độc tài đảng trị để giết người. Súng

đan, vũ lực chưa chắc ai đã hơn ai. Hơn nhau thua nhau cũng chẳng làm gì, thua để mà sống còn hơn để mà chết, chết đến tuyệt chủng thì cái hơn ấy cũng vô ích, còn nói phải đợi hòa bình trong vinh dự. Chúng tôi nhận xét cũng chẳng có cái nào vinh và cũng chẳng có cái nào nhục.

« Vinh vinh nhục nhục vinh liền nhục.

Nhục nhục vinh vinh nhục lại vinh »

Chiến tranh thì nhất định phải có hòa bình, và đánh nhau cãi nhau thì cũng phải có người hơn kẻ thua, nhưng người hơn cuộc cũng chẳng lợi lộc và sung sướng gì, còn kẻ thua cuộc cũng chưa chắc gì đã thua hẳn hay bị nhục nhã hẳn. Tốt hơn chúng ta là người Việt cả, ta đừng bắt chước theo lối thương tình của bọn tiểu nhân; chúng ta hãy chơi kiểu quân tử một chuyến xem sao? Nghĩa là bắt tay HUÈ. Huê thì không có ai thua ai ăn, ai vinh ai nhục gì cả, mà còn lợi là máu dân lành vô tội khỏi đổ một cách vô ích. Hiện tại sinh linh khỏi đồ thân, mai hậu lịch sử khỏi nguyên rủa. Huê nhau là một quốc sách theo phép binh thư cao thượng nhất. Còn muốn tranh hơn thua nhau thì nên tranh nhau bằng đường lối chính trị kinh tế văn hóa và xã hội, quân sự tạm gác lại đã. Vì 22 năm quân sự chưa giải quyết được gì cả còn một vài năm nữa, có thấm thía vào đầu mà hi vọng thắng bại.

... « Tám ngày chưa trắng đất bao

còn hai ngày nữa làm sao cho đầy »

Hai mươi hai năm rồi không thắng không bại, thì năm này là năm chốt, như dịp các cuộc hưu chiến chúng ta huê nhau,

— Mã đề đương cuộc anh hùng tận

Nếu không chịu huê ngoan cố kéo dài một năm nữa cũng chẳng thấm vào đâu, mà những bậc anh hùng (loại anh hùng có nhân) sẽ tận diệt hết. Công trình tranh bá đồ vương trong hai mươi mấy năm không chịu huê để mà hưởng, Nhất định năm Mùi này ai cố tình đi ngược lại lẽ tuần hoàn của nhân quả, của vũ trụ thì sẽ bị tận diệt.

Chết rồi thì :

« Ruộng nhà để mặc người cày

Ngựa ta người cỡi gẫm nay đau lòng »

Đúng thế! kẻ nào không biết khôn cứ nhảy vào vòng chiến thì sẽ trở thành thân tàn ma dại, ĐAU LÒNG

oOo

V chủ trương của An-Lạc là không muốn cảnh đau lòng ấy xảy ra, và cũng không muốn đau khổ về với bất cứ một ai—cũng không muốn ai là thù là oán cả, chỉ muốn tất cả đều thương nhau, thương thật sự, để đem niềm vui về sưởi ấm cho nhau

Chúng ta cùng nhau hát lên bài hát hưu chiến, hưu chiến, hưu chiến và hưu chiến để đi đến đỉnh chiến, đến thực sự hòa bình vĩnh cửu, chứ không phải hưu chiến để xả hơi, rồi đi đến sát hại nhau một cách tàn khốc. Nếu kẻ nào manh tâm như thế, chúng ta hãy phi nhổ vào mặt họ và đào huyết chôn họ trước khi họ giết chúng ta.

Hưu chiến, danh từ và âm thanh nghe nó đẹp làm sao, nó êm đềm làm sao, nhưng chúng ta hãy chờ đợi giờ hành động và sự kết quả của danh từ HƯU CHIẾN.

CÁO LỖI: Vì nhiều bài cần đăng nên loạt bài Phải Làm Cách Mạng Đời Sống Dân Nghèo xin tạm gác lại một kỳ, xin đọc giả thông cảm.

PHỎ CẢO

Quyển **QUAN-HỆ TƯ-TƯỞNG** do nhà xuất bản **NGỌC-MINH** hợp thư 935 Saigon, chịu trách nhiệm tái bản, in tại nhà in Sen Vàng chùa Ấn-Quang Chợ lớn, giấy phép số 1.518-UBKDTUIKB ngày 28-5-1966 đã in lại sai với bản chánh 70 chỗ và sót một đoạn 59 chữ, làm mất hết ý nghĩa đạo Phật. Vậy mong quý độc giả hãy đốt giùm quyền ấy đi, nếu không có bản đính chính.

Thành thật cảm ơn quý vị
nay kính

Saigon, ngày 10 tháng 10 năm 1996
Tác giả **T.T. Thích Viên Giác**

Độc xiên Mến Đất

Giai phẩm « Mến Đất » xuân Đinh Mùi sẽ ra mắt độc giả vào ngày 12 « âm lịch »

Mến Đất sẵn chứa nhiều đặc chất khác biệt

Do các văn Thi sĩ, Giáo sư, Sinh viên đã từng đáp ứng theo tiếng kêu của hồn nước lòng dân. Đã từng thể hiện tinh thần bất khuất vì yêu quê cha, đất tổ - «Giai phẩm Mến đất» gọi sống lại những hoài bão của tiên nhân, qua nhiều năm trên nhật báo, tuần báo, và tạp chí tại thủ đô Saigon.

Vào ngày 12 tháng chạp (âm lịch) sẽ gặp lại quý vị cùng tinh thần trước cũng ý chí trước

Đón đọc !

Mến Đất

Đồng bào Phật-Tử nên đọc—

HOA-THIÊN

— SỞ XUÂN ĐÌNH MÙI

TẶNG CHÚNG PHẬT-HỌC-ĐƯỜNG

Huệ-Nghiêm

XUẤT BẢN